

# PHẬT TỔ LỊCH ĐẠI THÔNG TÀI

## QUYỂN 15

### 1. Đường Hiến Tông: (Bính Tuất)

Hiến Tông tên là Thuận, con trưởng của Thuận Tông, dùng Bắc Đột Quyết, Thừa Hoan làm Chiêu thảo sứ, Bạch Cư Dị, Trần Tự Trung làm Thống soái, thiên hạ thái bình. Người ta đều nói ông là minh chủ trung hưng cơ nghiệp. Thiên đế giáng mộng ở phương Bắc bảo vua trung hưng Phật pháp nhưng ông không tuân mệnh. Ông ham uống đơn dược đến nỗi khiến tánh tình nóng nảy. Về sau bị Trung Quan Trần Hoàng Chí giết, thọ bốn mươi ba tuổi, an táng ở Cảnh lăng, trị vì mười lăm năm. Thời bấy giờ có những người hiền tài như Liễu Tử Hậu, Hàn Thoái Chi, Nguyễn Vi Chi, Lưu Vũ Tích, Bạch Cư Dị...

### 2. Thiên sư Nga Hồ Đại Nghĩa:

Thiên sư Nga Hồ Đại Nghĩa họ Từ quê ở Tu giang, Cù châu. Lý Cao có lần hỏi Sư:

- Đại Bi dùng ngàn tay mắt làm gì?

Sư nói:

- Nay Hoàng thượng dùng ông làm gì?

Có vị Tăng xin dựng tháp. Lý Thượng thư hỏi:

- Trong Luật Phật không cho khiên thầy chết đi qua dưới tháp, lại dựng tháp làm gì?

Tăng không đáp được, liền đến hỏi sư, Sư nói:

- Ông ta là Đại Xiển-đề.

Vua hạ chiếu thỉnh sư vào cung, cùng luận nghị với sư trong điện Lân Đức. Có một Pháp sư hỏi:

- Thế nào là Tứ đế?

Sư đáp:

- Thánh thượng là một đế còn ba đế kia ở đâu?

- Dục giới không có thiên, thiên ở sắc giới, cõi này nương vào đâu mà lập thiên?

Sư đáp:

- Pháp sư chỉ biết dục giới không có thiên, mà không biết thiên giới không có dục.

- Thế nào là thiên?

Sư chỉ hừ không, Pháp sư không đáp được.

Vua hỏi:

- Pháp sư giảng vô lượng kinh luận, chỉ một chút này mà chỉ không được là sao vậy?

Pháp sư hỏi các vị Thạc đức:

- Đi, đứng, nằm, ngồi rốt cuộc lấy gì làm đạo?

Có người đáp:

- Biết là đạo.

Sư nói:

- Chẳng thể dùng cái biết để biết, chẳng thể dùng cái thức để biết thì làm sao biết được biết là đạo?

Có người đáp:

- Không phân biệt là đạo?

Sư nói:

- Khéo hay phân biệt tướng các pháp, trong đệ nhất nghĩa nhưng chẳng động, làm sao không phân biệt là đạo được.

Có người đáp:

- Tứ thiên, Bát định là đạo.

Sư nói:

- Thân Phật vô vi không rơi trong các hữu, làm sao ở trong Tứ thiên Bát định là đạo được.

Ai nấy đều ngậm miệng. Sư cử tiếp:

- Thuận đế hỏi Tiên sư Thi Lợi: “Đại sư! Chúng sinh làm thế nào thấy tánh thành Phật”. Thi Lợi đáp: “Phật tánh như trăng trong nước, chỉ thấy mà không nắm được”.

Nhân đó sư nói với vua Phật tánh chẳng thấy tất thấy, trăng trong nước làm sao nắm lấy.

Vua liền hỏi:

- Cái gì là Phật tánh?

Sư đáp:

- Chẳng lìa cái mà bệ hạ hỏi.

Vua ngầm hợp chân tông, càng rất kính trọng sư. Ngày bảy tháng giêng năm Nguyên Hòa thứ mười ba, sự thị tịch, thọ bảy mươi bốn tuổi, vua ban thụy là Tuệ Giác Thiên Sư, tháp hiệu là Kiến Tánh.

### 3. Hàn Sơn, Thập Đắc, Phong Can:

Không ai biết tên họ, quê quán của Hàn Sơn tử là gì ở đâu, ông ẩn cư trong Hàn nham ở huyện Đường Hưng, Thái châu. Vì vậy bậc phụ lão đều gọi ông là Hàn Sơn Tử. Người ông gầy ốm thích đội mũ bằng vỏ cây hoa, đi guốc gỗ, mặc áo lông, quần tua dải trông như gã điên, thường cười hát nghêu ngao. Ông ở gần chùa Quốc Thanh trong Thiên Thai, trong chùa có Tăng là Phong Can cũng là người kỳ dị. Hằng ngày Phong Can đốn củi, gánh nước giã gạo để chúng Tăng dùng, thường rong chơi với Hàn Sơn Tử.

Hồi trước Phong Can đi ngang Xích thành nghe tiếng con nít khóc trong bụi cỏ, ông đến nhìn xem thấy đứa bé chừng hơn mười tuổi, hỏi nó ở đâu thì nó chẳng nói gì. Trong lòng rất lấy làm lạ ông bèn dẫn đứa trẻ về chùa sai nó quét dọn. Do nhật được ngoài đồng nên ông đặt tên thằng bé là Thập Đắc. Đến lớn Thập Đắc tu Đầu-đà khổ hạnh, lanh lợi xuất chúng. Phong Can, Hàn Sơn rất khâm phục ông, thường cùng ông ngao du. Ba người họ rất tương đắc. Tăng chúng trong chùa lấy làm lạ, nhưng ai nấy đều nghi nghi trong lòng mà chẳng biết vì sao.

Hàng ngày Thập Đắc rửa chén, ông nhật cơm thừa cho vào ống để dành cho Hàn Sơn ăn. Hai người đều có tài làm thơ. Có lúc cùng dạo chơi trong thôn xóm, gặp việc cảm hứng họ liền làm thơ để bày tỏ ý mình. Có khi khắc trên vách đá, có lúc viết trên lá cây, có lúc ngồi trong quán rượu, nói năng đều thanh cao thoát tục. Dù là những kẻ phong lưu ngày xưa cũng chưa có ai giống như họ. Có lần ông tự thuật:

*Vốn chẳng phải ẩn sĩ  
Tự gọi người núi rừng  
Trong tối tâm sáng rõ  
Chỉ thích buộc áo khăn  
Đạo sạch như Sào Hứa  
Thẹn làm tôi Thuấn Nghiêu  
Khỉ vượn đội áo mũ  
Chẳng học tránh phong trần.*

Lại viết:

*Muốn được nơi an ổn  
Hàn Sơn trụ mãi thôi  
Gió nhẹ lay từng rậm  
Càng nghe tiếng càng hay  
Dưới có người lang hổ  
Lâm râm tụng Hoàng Lão*

*Mười năm về chẳng được  
Quên mất cả cội nguồn.*

Lại viết:

*Có thân cùng không thân  
Là ngã lại phi ngã  
Quán xét kỹ như thế  
Dựa vách đá ngồi mãi  
Dưới chân cỏ mọc xanh  
Trên đầu bụi trần bám  
Để thấy người thế gian  
Linh sàng bày rượu quả.*

Lại viết:

*Nhà ngọc treo rèm châu  
Trong có gái thiền quyên  
Nhan sắc hơn thần tiên  
Nghĩ dung như Đào, Lý  
Nhà Đông xương xuyên động  
Nhà Tây gió thu thổi  
Đủ ba mươi năm nữa  
Ngọt như nước mía lùi.*

Những câu như vậy nhiều vô kể. Có lần Thập Đắc chấp tay cúng, đến lúc ăn thì đối diện với Phật mà ăn. Có lần ông đối trước tượng Kiều-trần-như mắng:

“Đồ tiểu căn bại chủng, đứng đây làm gì”.

Tăng trong chùa rất lấy làm lạ, chẳng sai ông cúng nữa.

Có lần ông thấy cơm cháo trước tượng Già-lam thần cứ bị chim cú đến phá, Thập Đắc đánh tượng thần và mắng:

“Ông ăn được mà không giữ được, làm sao hộ trì Già-lam”.

Thần Già-lam báo mộng cho Tăng chúng trong chùa nói:

“Thập Đắc đánh tôi”.

Đến sáng ai nấy cũng đều nói mình thấy thần nói như vậy, đến lúc này chúng Tăng mới thất kinh. Lúc này Phong Can đã hạ sơn xuất du.

Cuối năm Trinh Nguyên, Lư Khâu được bổ nhiệm làm Tuần thú Thai châu. Vừa mới đến ông bỗng bị bệnh đầu phong, danh y đều bó tay. Tình cờ Phong Can đến nhà ông, tự nói mình chữa được bệnh này. Lư Khâu nghe liền cho triệu kiến. Can sai đem nước đến rồi rảy lên đầu ông, lát sau bệnh của Lư Khâu hết hẳn, từ đó Khâu rất trọng Phong Can. Khâu hỏi ông:

- Ông từ đâu đến?

Phong Can đáp:

- Chùa Quốc Thanh ở Thiên Thai.

- Ở đó có người hiền tài không?

- Có, nhưng không dùng danh lợi thế gian thỉnh cầu họ được. Hàn Sơn, Thập Đắc là Văn-thù, Phổ Hiền hóa thân. Hai ông ấy đang trà trộn trong chùa Quốc Thanh, nếu ông muốn phong quan cho họ thì đến đó ngay, chớ chậm trễ. Lư Khâu về Nam hành sự không lâu, liền vào chùa tìm tin tức của Phong Can. Ông chỉ thấy mái tranh tiêu điều, hổ nằm bên nhà. Ông vào trong chùa yết kiến hai vị Đại sĩ. Tăng trong chùa dẫn ông ra sau nhà bếp, Lư Khâu bái yết hai vị Đại sĩ. Hai người đứng dậy nói:

- Niệm mãi Di-đà mà ông chẳng biết thì lạ ta làm gì.

Rồi quay về Hàn nham.

Hôm sau, Lư Khâu sai sứ đem lễ vật đến. Hàn Sơn thấy sứ đến mừng:

- Giặc! giặc!

Rồi trốn vào trong núi. Thập Đắc cũng biệt tăm, về sau không ai biết họ mất lúc nào, ở đâu.

#### ***4. Thiên sư Thiên Hoàng Đạo Ngộ Ở Kinh Châu:***

Hiệp Luật Lang Phù Tái soạn văn bia ghi:

"Sư họ Trương, quê ở Đông Dương, Vụ châu. Mười bốn tuổi xuất gia với ngài Đại Đức ở Minh Châu. Hai mươi lăm tuổi Sư thọ giới Cụ túc tại chùa Trúc Lâm ở Hàng châu. Đầu tiên sư tham vấn với Thiên sư Quốc Nhất và ở đây hầu thấy năm năm. Niên hiệu Đại lịch thứ mười một, Sư ẩn cư tại núi Đại Mai. Đầu năm Kiến Trung, Sư đến yết kiến Giang tây Mã Tổ, năm thứ hai qua tham học với ngài Thạch Đầu, nhân đó đại ngộ, bèn ẩn cư tại núi Tử lăng ở Dương dương. Về sau, phía Đông thành trong kinh Nam có chùa Thiên hoàng do bị hỏa hoạn nên bị hư sập, ngài Linh Giám đang định tu sửa lại. Linh Giám nói:

- Nếu được Thiên sư Đạo Ngộ làm hóa chủ, thì đó là phước lớn của ta.

Hồi đó, Giang Lăng Doãn hữu bộc xạ Bùi Công đến đảnh lễ tham vấn, Bùi Công dùng lễ đón sư, nhưng sư chẳng hề đáp lại. Với khách sư chẳng phân biệt sang hèn đều ngồi chào họ. Bùi Công càng kính trọng sư hơn. Tông phong của Thạch Đầu hưng thịnh từ đây. Sư có bệnh đau lưng, lúc sắp thị tịch, đại chúng đến thăm hỏi bệnh. Bỗng nhiên sư gọi Diển Tòa lại gần rồi hỏi:

- Hiểu không?

Điển Tòa thưa:

- Chẳng hiểu.

Sư cầm chiếc gối ném xuống đất rồi thị tịch, thọ sáu mươi lăm tuổi, Tăng lạp ba mươi lăm hạ. Dòng pháp nối tiếp ba đời là Tuệ Chân, U Quang và Văn Bí. Hôm đó nhằm ngày mười ba tháng tư năm Nguyên Hòa thứ hai.”

### **5. Thiên sư Thiên Vương Đạo Ngộ ở Kinh châu:**

Ngày mười ba tháng tư năm Nguyên Hòa thứ mười ba, Thiên sư Thiên Vương Đạo Ngộ thị tịch. Đường chánh nghị Đại phu Hộ Bộ thị lang Bình Chương Sự Kinh Nam Tiết Độ Sứ Khâu Huyền Tố soạn văn bia rằng:

“Sư họ Thôi, quê ở Chử Cung, là hậu duệ của Tử Ngọc. Năm mười lăm tuổi, Sư nương Luật sư Đàm Chứ ở chùa Trường Sa xuất gia. Năm hai mươi ba tuổi, Sư đến Trung sơn thọ giới. Năm ba mươi ba tuổi sư đến tham vấn ngài Thạch Đầu. Tổ nhiều lần chỉ dạy nhưng sư không khế hội. Sau đó sư đến yết kiến Quốc sư Tuệ Trung. Năm ba mươi bốn tuổi, Sư cùng thị giả Ứng Chân về Nam yết kiến Mã Tổ. Tổ bảo:

- Nhận biết tự tâm xưa nay là Phật, chẳng thuộc tiệm thứ chẳng nhờ tu trì, thể tự như như, muôn đức tròn đầy.

Ngay câu nói này sư đại ngộ. Mã Tổ dặn:

- Nếu phải trụ trì ông chớ rời chỗ cũ.

Sư được chỉ dạy xong liền về Kinh châu, cất một am tranh ngoài thành không xa.

Sau Tiết Sử cố vấn cho bọn tả hữu đến vặn hỏi sư đủ điều, rồi Tiết Sử đích thân đến hỏi đạo. Thấy đường xá hiểm trở, xe ngựa không qua được, lại thấy cây cối ngang dọc chướng mắt vô cùng chẳng ai sửa sang. Tiết Sử nổi giận sai người bắt sư thả xuống sông. Tiết Sử gióng cờ vừa về đến nhà thấy nha môn phát hỏa, lửa cháy ngùn ngụt chẳng ai dám đến gần, chỉ nghe trong hư không có tiếng nói:

- Ta là thần Thiên vương! Ta là thần Thiên vương!

Tiết Sử hồi tâm quỳ lạy, khói lửa liền tắt, nha môn vẫn còn nguyên. Tiết Sử liền ra bờ sông thấy sư ở trong nước mà áo quần chẳng ướt. Ông càng kính trọng, chí tâm sám hối sư, thỉnh sư về nha môn cúng dường. Tiết Sử lập ngôi chùa ở phía Tây phủ lấy hiệu là Thiên Vương, thỉnh sư ở đó.

Hằng ngày sư nói:

- Sống vui! Sống vui!

Đến lúc lâm chung, Sư lại kêu:

- Khổ! Khổ!

Rồi nói:

- Diêm vương đến bắt ta.

Viện chủ hỏi:

- Đương thời Hòa thượng bị Tiết Sử ném xuống sông nhưng thần sắc chẳng động, hôm nay sao lại thế này?

Sư đưa chiếc gối lên hỏi:

- Người nói lúc ấy đúng hay bây giờ đúng?

Viện chủ không đáp được. Sư thị tịch, thọ tám mươi hai tuổi, Tăng lạp sáu mươi ba hạ. Có một người nổi pháp đó là Sùng Tín, tức Long Đàm.”

**Luận rằng:** “Tôn giả Tịch Âm nói:

Thiền sư Đạo Ngộ ở chùa Thiên Hoàng, Kinh châu, như Truyền Đăng ghi chép thì Đạo Ngộ đắc pháp với Thạch Đầu, và ở tại Thiên Hoàng. Sư họ Trương quê ở Đông Dương, Vụ châu, mười bốn tuổi xuất gia, được ngài Đại Đức ở Minh Châu thế phát. Năm hai mươi lăm tuổi, thọ giới Cụ túc tại chùa Trúc Lâm, Hàng châu. Đầu tiên đến yết kiến Thiền sư Quốc Nhất ở Kính sơn và ở lại hầu hạ năm năm. Trong năm Đại Lịch, Sư đến Chung Lăng yết kiến Đại sư Mã Tổ. Hai năm sau sư đến Thạch Đầu. Sư thị tịch vào tháng tư năm Đinh Hợi niên hiệu Nguyên Hòa, thọ sáu mươi tuổi, hạ lạp ba mươi lăm”.

Xem đến Thiền sư Quán Dĩnh soạn tập Ngũ Gia Tông Phái, thì chép Đạo Ngộ nổi pháp của Mã Tổ, và dẫn văn bia đến cả ngàn lời do Khâu Huyền Tố nhà Đường soạn. Trong ấy nói:

“Sư hiệu là Đạo Ngộ, họ Thôi, quê ở Chử Cung, là hậu duệ của Tử Ngọc. Năm mười lăm tuổi lạp Luật sư Đàm Chứ ở chùa Trường Sa xuất gia. Năm hai mươi ba tuổi thọ giới với ngài Luật Đức ở Tung sơn, yết kiến Thạch Đầu, tham cứu thiền tông. Trong hai năm nhưng không khế ngộ, bèn vào Trường an yết kiến Quốc sư Tuệ Trung. Năm ba mươi bốn tuổi sư cùng thị giả Ứng Chân về Nam yết kiến Mã Tổ, ngay dưới lời của tổ liền đại ngộ. Tổ dặn: “Ngày sau chớ lìa nơi cũ.” Nên sư về lại Chử Cung.

Ngày mười ba tháng tư, năm Mậu Tuất, niên hiệu Nguyên Hòa thứ mười ba, Sư thị tịch thọ tám mươi hai tuổi, tăng lạp sáu mươi ba hạ.”

Xét chuyện này thì rõ ràng là hai người. Nhưng Huyền Tố ghi:

“Có một người truyền pháp đó Sùng Tín. Trụ ở Long đàm, Lễ Châu.”

Trong văn bia của Thiền sư Nam Nhạc Hoài Nhượng do Đường Văn Nhân Quy Đằng soạn, có liệt kê pháp tôn ở phía sau đến mấy người, trong đó có một người là Đạo Ngộ, tên là Khuê Phong, trả lời Bùi Tướng quốc về chỉ thú tông môn. Lại ghi sáu người nối pháp của Mã Tổ. Người đầu tiên là Giảng Lăng Đạo Ngộ, dưới đó lại ghi chú: “Điều thọ học với Kính Sơn, nay vọng cho rằng hai tông Vân Môn và Lâm Tế đều giành là người của tông mình, thật đáng cười”.

Bài tựa trong Giác Mộng Đường Trùng Giáo Ngũ Gia Tông Phái ghi:

“Trong năm Cảnh Đức, Tăng Đạo Nguyên nước Ngô soạn tập Truyền Đăng Lục ba mươi quyển, bắt đầu từ Tào Khê xuống đến hai phái dưới đó. Một là Nam Nhạc Hoài Nhượng, Hoài Nhượng truyền xuống Mã Tổ. Một phái là Thanh Nguyên Hành Tư, Hành Tư truyền xuống Thạch Đầu Hy Thiên. Hai phái này chia thành năm tông. Mã Tổ Đại sư truyền xuống tám mươi bốn Thiện tri thức, trong đó có Bá Trượng Hoài Hải. Bá Trượng truyền xuống hai người là Hoàng Bá Hy Vận và Quy Sơn Linh Hựu. Hy Vận truyền xuống Lâm Tế Nghĩa Huyền, và gọi đây là tông Lâm Tế.

Quy Sơn Linh Hựu truyền xuống Ngưỡng Sơn Tuệ Tịch nên gọi là tông Quy Ngưỡng.

Trong tám mươi bốn người đó có Thiên Vương Đạo Ngộ. Đạo Ngộ truyền xuống Long Đàm Sùng Tín, Sùng Tín truyền xuống Đức Sơn Tuyên Giám, Tuyên Giám truyền xuống Tuyết Phong Nghĩa Tồn, Nghĩa Tồn truyền xuống Vân Môn Văn Uyển, và gọi đây là tông Vân Môn.

Kế đến Huyền Sa Sư Bị truyền xuống Địa Tạng Quế Sâm, Quế Sâm truyền xuống Thanh Lương Văn Ích và gọi đây là tông Pháp Nhãn.

Kế nữa Thạch Đầu Hy Thiên truyền xuống hai người là Dực Sơn Duy Nghiễm và Thiên Hoàng Đạo Ngộ. Đạo Ngộ truyền xuống Tuệ Chân, Tuệ Chân truyền cho U Gian. U Gian truyền cho Văn Bí, ba đời như vậy mới dứt. Riêng Dực Sơn truyền cho Vân Nham Đàm Thạch, Đàm Thạch truyền cho Động Sơn Lương Giới, Lương Giới truyền cho Tào Sơn Chương đó là tông Tào Động.

Nay Truyền Đăng lại đem hai tông Vân Môn, Pháp Nhãn liệt vào môn hạ của Thạch Đầu là sai. Cùng một thời có hai người tên Đạo



Ngộ.”

1. Đạo Ngộ ở chùa Thiên Vương thành Tây, Giang lăng. Sư là hậu duệ của Thôi Tử Ngọc, quê ở Chử Cung, nối pháp Mã Tổ. Sư tịch ngày mười ba tháng tư năm Nguyên Hòa thứ mười ba. Chánh nghị Đại phu Khâu Huyền Tố soạn bài minh trên tháp, văn bia đến hơn ngàn lời trong ấy nói:

“Mã Tổ dặn sư: “Ngày sau chớ lia chỗ cũ”. Thế nên Sư về lại Chử Cung”.

2. Đạo Ngộ ở chùa Thiên hoàng, thành Đông, Giang lăng. Sư họ Trương, quê ở Đông Dương, Vụ châu, nối pháp Thạch Đầu. Thị tịch năm Đinh Hợi niên hiệu Nguyên Hòa thứ hai. Hiệp Luật Bộ Phù Tái soạn bài minh trên tháp.

Về nguồn gốc xuất xứ của hai văn bia này đã quá rõ rồi. Thế nhưng theo ngài Đạo Nguyên soạn tập Truyền Đăng thì ngày tháng không đồng nhất. Đích thân đi sưu tầm chưa hẳn đã rõ ràng, còn nhờ người khác gom góp sưu tập mới có thì tất không tránh khỏi sai sót.

Từ năm Cảnh Đức đến nay, khắp nơi đều lấy Truyền Đăng làm chứng cứ. Tuy chứng cứ đều xác thực, nhưng với những người lập tông không thể quả quyết một cách sơ sài được. Chỉ có Phi Tướng Vô Tận Cư sĩ Trương Công và Lữ Hạ Khanh, hai người này mỗi khi luận những việc trong tông môn, có lần nói:

“Thạch Đầu truyền cho Dực Sơn, Dực Sơn truyền cho Tào Động, giáo, lý, hạnh, quả, ngôn, thuyết của một tông tỏ rõ ràng.”

Vả lại từ Thiên Hoàng Đạo Ngộ xuống đến Cá Châu Kim Cang đều là những bậc cơ phong lâm liệt, dù là Phật tổ cũng chẳng dám xem thường tông phong của họ, sợ rằng ngay từ Thiên Hoàng có thể đã có sự nhầm lẫn.

Tôn giả Tịch Âm cũng đã từng nghi ngờ rằng, hình như có hai người là Đạo Ngộ. Về sau Vô Tận Cư sĩ đến chỗ của Thiền sư Đại Quán Dĩnh và có trong tay bài Tháp ký nói về Thiên Hoàng Đạo Ngộ do Phù Tái soạn, đồng thời tìm thấy bài Tháp ký nói về Thiên Vương Đạo Ngộ do Khâu Huyền Tố soạn, rồi tuyên bố mọi người rằng:

“Tôi từng nghi Kính Sơn, Động Sơn xuất thân dưới pháp hội Thạch Đầu, nhân đó nêu ra rất nhiều điểm không tương đồng, nay có hai bài tháp ký minh chứng thì sự việc đã sáng tỏ, tôi mới tin mình trạch pháp nghiệm người chẳng hề sai.”

Tịch Âm nói:

“Khuê Phong trả lời Bùi Tướng quốc về chỉ thú tông môn, lại ghi

sáu người nổi pháp Mã Tổ. Người đầu tiên là Giang Lăng Đạo Ngộ, dưới đó lại chi chú: Cùng thọ học với Kính Sơn, nay vọng cho rằng hai tông Vân Môn và Lâm Tế đều giành là người của tông mình, thật đáng cười.

Tôi lược ghi ngọn ngành để biết rõ đầu đuôi, ngõ hầu mọi người cùng biết chánh pháp của Ngũ gia là như vậy thôi”.

### **6. Thiên sư Lan Nhược ở Giang tây bắc:**

Hồ Đường Lượng Trưởng lão hỏi Giang tây bắc Lang Nhược Thiên sư:

- Nghe nói sư huynh vẽ được chân hình của tiên sư, xin cho tôi được chiêm ngưỡng lễ lạy một chút?

Sư lấy tay chỉ trong não biểu thị, Lượng thấy liền đánh lễ. Sư nói:

- Đừng lạy! Đừng lạy!

Lượng nói:

- Sư huynh sai rồi! Tôi chẳng lạy sư huynh.

Sư nói:

- Ông lạy chân hình tiên sư vậy!

Lượng hỏi:

- Thế tại sao bảo tôi đừng lạy?

Sư đáp:

- Đâu từng sai.

### **7. Hoàng thượng hỏi quần thần về khoan dung, hà khắc:**

Nguyễn Hòa thứ tư, vua hỏi thị thần:

- Trong việc chánh pháp dùng khoan dung trước hay dùng hà khắc trước?

Tể tướng Quyên Đức Dư đáp:

- Nhà Đường ban bố nhân hậu trước vì nhà Tùy đã bạo ngược. Thái Tông Hoàng đế thấy bức họa đồ ở Minh đường thì lập tức bỏ hình phạt đánh vào lưng. Việc làm của muôn thánh đều chuộng việc lấy đức dạy dỗ. Thế nên trong năm Thiên Bảo trộm cướp nổi lên liền bị diệt ngay. Đó là do sự giáo hóa của triều đình ta cảm được lòng người rất sâu.

Vua nói:

- Thật đúng như lời khanh nói.

Đức Dư biện luận rất giỏi, nêu bày ngọn ngành cổ kim để giác ngộ

nhân chủ. Ông làm phụ tướng rất mực hòa nhã, chẳng vì nên tỏ thanh danh, văn chương phong phú lại tao nhã. Đương thời những công khanh vương hầu, công lao chẳng ai như ông. Ông được sử sách lưu truyền. Dù hành động không ngoài sửa mình nhưng với sở học và tư cách cao vời thì tự nhiên ai nấy đều mến mộ. Giữa những năm Trinh Nguyên và Nguyên Hòa ông là một vị quan rất mẫu mực trong triều.

### 8. Bài ký về Thiên sư Thảo Y:

Có lần Đức Dư soạn Thảo Y Thiên sư Yến Tọa ký, trong ấy nói:

“Tín châu Nam nhạc có một nơi vắng lặng thanh tịnh, đó là nơi mà Thiên sư đang ở. Nguồn gốc quê quán của sư ở đâu, chẳng ai biết rõ. Hồi ấy trong châu này có người đi kiếm củi gặp sư giữa đồng hoang, một mình trơ trọi trong đám cỏ. Sư lớn lên trong châu này, rồi dời qua đất đó đến nay đã ba mươi năm rồi. Người trong châu chẳng biết tên họ là gì, bèn gọi sư là Thảo Y. Chân sư chẳng từng chạm đất, miệng chẳng nếm vị, chẳng kể ngày đêm, chẳng màng nóng lạnh, hằng sống trong cảnh tịch lặng, ngồi mãi trên sàng tòa. Muôn cảnh náo động thân sư chẳng động. Bên trong thì ba đời, năm uẩn theo vọng mà khởi, sau đó dùng hữu pháp quán sát mười hai nhân duyên, ngay nơi chánh trí chứng đắc chân thường chân ngã, đất tâm vắng lặng rỗng rang, thân và trí tuệ đều thanh tịnh, lời hay ý diệu tùy thời diễn nói, vượt qua muôn cảnh gần xa, tùy thuận căn cơ thượng hạ, như mưa rưới vạn vật, như gió quạt hư không, vượt qua cửa ngõ thậm nhập pháp môn. Nếu chẳng thấu tỏ cái vô tận của huyền cơ, chẳng thấu suốt ngọn nguồn của thật tướng, thì bốn mùa vây bủa bên ngoài, trăm bệnh phát khởi bên trong. Người xưa nói “Làm cho vật lia người, mà tự tại đứng vững” Thiên sư chính là người này. Than ôi! Thế gian níu vật để trói tâm, tâm lưu chuyển trong vật vì thế mà lợi hại nổi lên, kiết hung xuất hiện, nó trói buộc níu kéo làm cho con người mờ mịt chẳng biết nẻo về. Đến lúc con người ngay trong động mà tìm lại tĩnh, ngay nơi tĩnh mà tìm lại tánh, thì chết yếu, sống lâu, nhân từ, hẹp hòi đua nhau nổi lên. Đó là một trong những thuyết của Thế đế. Còn như đạo của Thiên sư, lẽ đâu chỉ nhỏ nhặt như vậy thôi sao.

Kiến Trung năm thứ hai, tôi làm quan ở Thượng Nhiêu, lúc ấy Tả ty Lang Thôi Công ra làm Quận Tả, là người tham cứu mối đạo của Thiên sư, ông ấy đã giảng giải tận tường cho tôi quét sạch bụi trần dẫn dắt khai hóa khiến tôi thấy được chính mình, diệu chỉ Lăng-nghiêm, mật dụng Tỳ Da thủy đều khai thị, nhưng ai biết rằng nơi đất thanh tịnh

này chẳng hề đi nơi khác thuyết pháp, thế nên viết lại những gì mình thấy nghe rồi khắc trên đá”.

### **9. Vua hỏi Trừng Quán về pháp giới Hoa nghiêm:**

Vua hỏi Quốc sư Trừng Quán:

- Những điều mà Hoa Nghiêm diễn thuyết sao gọi là Pháp giới?

Trừng Quán đáp:

- Pháp giới là thân tâm bản thể của tất cả chúng sinh. Từ xưa đến nay nó linh diệu rộng rang bao la vắng lặng, chỉ là cảnh của Nhất chân mà thôi. Nó chẳng có hình dạng nhưng bao quát cả đại thiên, chẳng có biên tế nhưng hàm dung cả vạn hữu. Nó lộ lộ trong khoảng tâm mắt nhưng chẳng thấy được tướng, nó ngời ngời trong sắc trần nhưng chẳng phân được lý. Nếu chẳng phải người có con mắt trí tuệ xuyên suốt vạn pháp, chẳng có trí sáng lia mọi niệm thì không thể nào thấy được tự tâm linh thông như thế này. Thế nên vừa mới thành đạo, Thế Tôn đã thốt lên:

“Kỳ lạ thay! Ta nay thấy khắp tất cả chúng sinh đều có đủ đức tướng trí tuệ của Như Lai, chỉ vì vọng niệm chấp trước nên không chứng đắc được”.

Bấy giờ Phật ứng với tánh pháp giới, diễn thuyết kinh Hoa Nghiêm, toàn dung chân không mà giản trạch tình thức, sự lý đều viên dung, biến khắp mà vắng lặng.

Vua bảm tính vốn thông tuệ, vừa nghe ngài giảng lý huyền bồng nhiên tỉnh ngộ. Bấy giờ, vua sai Hữu ty sắm sửa lễ nghi, đúc lấy ấn tín, thỉnh Quốc sư thống lãnh Tăng chúng trong thiên hạ, phong hiệu là Tăng Thống Thanh Lương Quốc Sư.

### **10. Thiên giả Vô Trước vào Ngũ Đài sơn:**

Thiên giả Vô Trước vào Ngũ Đài sơn cầu kiến Đại sĩ Văn-thù. Đến hang động Kim Cang, Sư đốt hương lễ lạy, nhắm mắt ngồi một lúc, bỗng nghe tiếng trâu rống, Sư liền mở mắt nhìn thấy một ông lão người miền núi diện mạo phi phàm đang dẫn trâu ra sông uống nước. Sư đứng dậy vái chào. Ông lão hỏi:

- Ông đến đây làm gì?

Sư đáp:

- Xin được gặp Đại sĩ Văn-thù.

- Chưa gặp Đại sĩ được, ông ăn cơm chưa?

- Chưa.

Ông lão dẫn trâu về, Sư nổi gót theo sau, chốc lát họ vào một ngôi chùa, ông lão gọi:

- Quân Đề!

Bỗng một Đồng tử nghe tiếng gọi chạy ra nghênh đón. Ông lão buộc trâu xong, dẫn sư lên nhà trên. Ngôi nhà được làm toàn bằng vàng ngọc. Ông lão ngồi trên giường, chỉ một cái đôn gấm và bảo sư ngồi. Đồng tử bưng một chén bằng pha lê đựng đầy nước trông giống như sữa. Sư cảm tạ rồi cùng ông lão uống nước. Vừa uống xong sư bỗng thấy thân tâm khoáng khoái lạ thường. Ông lão hỏi:

- Ông từ đâu đến đây?

Sư đáp:

- Phương Nam.

- Phật pháp ở phương Nam thế nào?

- Thời mạt pháp, Tỳ-kheo ít phụng trì Giới Luật.

- Tăng chúng nhiều ít?

- Có nơi ba trăm người, có nơi năm trăm người.

Sư hỏi:

- Thế Phật pháp ở đây thế nào?

Ông lão đáp:

- Rắn rông lẫn lộn, phạm thánh đồng cư.

- Tăng chúng bao nhiêu?

- Trước ba ba, sau ba ba.

Thế rồi hai người nói chuyện đến tối. Sư muốn ở lại, ông lão không cho. Sư quyết luyện chẳng muốn đi, ông lão phát tay áo lớn tiếng bảo Đồng tử dẫn sư ra ngoài. Sư đành phải đi. Đi chưa bao xa, Sư hỏi Đồng tử:

- Đến chùa nào?

Đồng tử đáp:

- Chùa Bát-nhã.

Sư bỗng nhiên tỉnh ngộ biết ông lão chính là Văn-thù, nhưng đâu thể gặp lại, Sư liền đánh lễ Đồng tử và xin chuyển lời tạm biệt. Đồng tử ẩn thân và ca rằng:

Mặt không sân là đồ cứng dường

Miệng không sân là nhả hương thơm

Tâm không sân mới là của quý

Chẳng dơ chẳng nhiễm là chân thường.

Từ đó sư thường chống tích lên Ngũ Đài, thường cùng Văn-thù luận đạo.

**11. Vua thỉnh Thiền sư Hoài Uẩn trụ trì chùa Cư Thượng:**

Vua hạ chiếu thỉnh Thiền sư Hoài Uẩn ở chùa Chương Kính, Kinh Triệu vào ở chùa Cư Thượng. Đồ chúng vân tập vô số. Sư dạy:

- Đạt lý thì quên lời, con người ta thường cứ chăm chăm thực hành việc đó rồi cho là công năng, mà chẳng biết tự tánh vốn chẳng có cảnh và xứ sở. Cửa ngõ đại giải thoát mâu nhiệm này vốn đầy đủ sáng suốt, chẳng nhiệm, chẳng ngại. Nó rõ ràng như vậy mà chưa từng dừng hay mất. Từ nhiều kiếp đến nay vốn không biến đổi. Như mặt trời chiếu khắp gần xa. Dù tiếp xúc muôn màu nhưng chẳng hòa hợp bất cứ thứ gì, diệu dụng sáng lòa chẳng nhờ tôi luyện. Do không liễu ngộ nên nhận lấy muôn vật. Đó chỉ là chạy theo cái lạ, vọng khởi hoa đốm, lao nhọc tự thân, uống công nhiều kiếp. Nếu phản chiếu tự thân thì không có người thứ hai, thi thiết nên bày mà chẳng thiếu thật tướng.

**12. Cư sĩ Bàng Uẩn:**

Bàng Uẩn tự là Đạo Huyền, quê ở Hành Dương, gia thế chuyên về Nho học. Đầu năm Trinh Nguyên, ông đến yết kiến Hòa thượng Thạch Đầu, liền khế hợp huyền ngôn.

Một hôm Thạch Đầu hỏi:

- Từ khi gặp ta đến nay, hằng ngày ông làm việc gì?

Ông đáp:

- Nếu hỏi việc làm hằng ngày thì không có chỗ mở miệng, rồi trình bài kệ:

*Việc hằng ngày không khác  
Chỉ tôi tự hay biết  
Muôn việc chẳng thủ xả  
Mọi chỗ chớ trái bày  
Đỏ tía ai làm hiệu  
Núi gò dứt bụi trần  
Thần thông và diệu dụng  
Gánh nước và bửa củi.*

Thạch Đầu hứa khả. Sau ông đến tham vấn Mã Tổ. Ông hỏi:

- Chẳng làm bạn với muôn pháp là người gì?

Mã Tổ đáp:

- Đợi ông hợp một hợp mà cạn nước ở Tây giang thì ta sẽ nói ông nghe.

Ngay câu nói này, ông liền đại ngộ. Từ đó ông nói năng lạnh lợi, khắp nơi đều nghe tiếng. Ông rất thân với Thiền sư Đơn Hà.

Một hôm, ông đến thăm Hòa thượng Bá Linh. Giữa đường gặp Bá Linh, Bá Linh hỏi:

- Ngày xưa ông lãnh hội dưới câu nói của Thạch Đầu, ông đã nói cho người nào biết chưa?

- Nói rồi.

- Nói với ai?

Ông lấy tay chỉ ngay mình nói:

- Ông Bằng.

Bá Linh khen ông hết lời. Ông hỏi:

- Câu mà thầy lãnh hội có ai biết chưa?

Bá Linh liền đội nón đi. Ông nói:

- Thật là bạn tốt giữa đường.

Bá Linh đi thẳng chẳng ngoái đầu lại.

Ông đến thăm Hòa thượng Tắc Xuyên. Tắc Xuyên hỏi:

- Ông còn nhớ đạo lý hồi mới gặp Thạch Đầu không?

Ông đáp:

- Còn nhớ, sẽ cử lại cho thầy.

Xuyên nói:

- Tính nhớ dai, tham việc chậm.

- Thầy già rồi, không bằng ông Bằng.

- Hai người đồng thời, lẽ đâu chênh lệch.

- Ông Bằng khỏe mạnh hơn thầy nhiều.

- Không phải hơn ta mà chỉ là khác cái khăn bịt đầu.

- Thì giống thầy vậy.

Tắc Xuyên cười vang rồi thôi. Nhân lúc đang hái trà, ông hỏi:

- Pháp giới chẳng dung thân, thầy còn gặp tôi không?

- Không phải lão Tăng sợ trả lời ông.

- Có hỏi có đáp vẫn là tầm thường.

Xuyên vẫn hái trà không nghe. Ông nói:

- Đâu ngại đến đây để gài mớ câu hỏi.

Xuyên không quay lại, ông nói:

- Gã vô lễ nghi này, đợi nói rõ cả như người sáng mắt.

Xuyên liền ném giỏ trà rồi về phương trượng.

Ông đến thăm Hòa thượng Tùng Sơn, đang uống trà ông cử chuyện

Thác tử rồi nói:

- Mỗi người đều có phần, vì sao không nói được?

Tùng Sơn nói:

- Chỉ vì mỗi người có phần nên không nói được.

- Thế sao anh lại nói được?

- Không thể không nói.

- Rõ ràng, rõ ràng.

Tùng Sơn uống trà, ông hỏi:

- Anh uống trà sao chẳng mời khách?

- Mời ai?

- Ông Bằng.

- Cần gì phải mời.

Về sau Đơn Hà nghe được chuyện này nói: “Nếu chẳng phải cơ của Tùng Sơn chắc bị lão già đó làm ngất ngư một phen rồi”.

Ông nghe được liền sai người chuyển lời đến Đơn Hà rằng:

“Sao chẳng nắm lấy cái lúc chưa cử chuyện Thác Tử”.

Ông tới thăm Hòa thượng Tề Phong, Phong hỏi:

- Tục nhân lặn lội đến Tăng xá tìm cái gì?

Ông quay đầu nhìn hai bên hỏi:

- Ai nói cái gì thế? Ai nói cái gì thế?

Tề Phong liền hét. Ông nói:

- Thì ra ở đây.

- Phải chăng là Dương Dương nói?

Ông đáp:

- Chỉ là sau lưng thôi.

Tề Phong quay đầu nói:

- Kia! Kia!

Ông nói:

- Giặc cỏ thua to.

Tề Phong không đáp.

Ông đến thăm Hòa thượng Thạch Lâm. Lâm dựng phất tử nói:

- Không rơi vào cơ Đơn Hà, thử nói một câu xem!

Ông giật ngay phất tử, đưa lên nắm đấm. Lâm nói:

- Đúng là cơ của Đơn Hà.

- Chẳng rơi vào cơ của tôi.

- Đơn Hà sợ căm, ông Bằng sợ điếc.

- Đúng vậy!

Hôm khác Thạch Lâm nói:

- Có người nhờ hỏi, Cư sĩ chớ tiếc lời.

- Xin cứ nói.

- Hóa ra là tiếc lời.

- Cái này là hỏi thăm, chẳng biết đã rơi vào tiện nghi của người



khác.

Thạch Lâm liền bịt tai, ông nói:

- Tác gia! Tác gia!

Một hôm Đơn Hà đến thăm ông, thấy con gái ông là Linh Chiếu đang nhặt rau. Đơn Hà hỏi:

- Cư sĩ có ở nhà không?

Linh Chiếu buông giỏ rau khoanh tay đứng.

Đơn Hà hỏi tiếp:

- Cư sĩ có ở nhà không?

Linh Chiếu bèn xách giỏ đi.

Lúc ấy ông ở Tương Dương, hằng ngày Linh Chiếu chẻ tre bện sáo đem bán độ nhật qua ngày. Lúc sắp thị tịch, ông bảo Linh Chiếu xem mặt trời đúng Ngọ thì vào báo. Linh Chiếu ra xem rồi vào thưa:- Mặt trời đã đúng Ngọ, nhưng có nhật thực.

Ông đang ra xem mặt trời thì Linh Chiếu leo lên tòa của cha mình chấp tay kiết già thị tịch.

Ông vào xem thấy vậy cười nói:

- Con gái ta lạ thiệt!

Thế rồi ông đành hoãn lại bảy ngày sau. Tương châu Mục Vu Công đến thăm ông, ông cười nói một lúc lâu, rồi quay lại nói với Vu công:

- Chỉ mong hãy rộng rang với những thứ sở hữu, dè dặt chỗ thấy thật với những cái sở vô, khéo ở thế gian giống như bóng vang.

Nói xong ông gác đầu trên gối Vu Công mà thị tịch.

### ***13. Văn bia nói về công trạng của Hòa thượng Di-đà:***

Vĩnh châu, Tư Mã Liễu Công Nguyên soạn văn bia cho Hòa thượng Di-đà, trong ấy nói:

“Vào thời Đại Tông có vị Tăng Pháp Chiếu làm Quốc sư. Pháp Chiếu nói thầy ông là Nam Nhạc Đại Trưởng lão có dị đức. Thiên tử hưởng về Nam mà lễ lạy, những người được độ không sao kể hết, bèn gọi nơi ấy là Bát Chu đạo tràng, nhằm nêu cao ngôi vị của thầy mình. Hồi ấy ông ở trong một hang đá tại phía Tây Nam núi, người ta đem thức ăn đến thì ông ăn, không có thì ông ăn đất đá, rễ cây, áo quần cũng vậy. Dân buôn ở cực Nam từ đó tụ tập đến học. Có khi gặp ông ở hang núi, thân gầy mặt mày lem luot đang vác củi, bọn họ cho là nô bộc rồi coi thường, hóa ra là ngài.

Phàm giáo hóa người, ngài thường đứng giữa đường mà tùy nghi

dạy họ. Về sau bị bệnh, ngài dạy họ chuyên niệm bằng cách viết trên vách đường hẻm, khắc trên hang đá. Ngài ra sức khuyến hóa dẫn dắt mọi người. Chẳng cầu mà đạo hoàn bị, chẳng nói mà vật tự thành. Ngài đốn cây chất đá, phủ vải, khéo léo dựng nhà nơi sườn núi, chẳng chống đỡ, chẳng đắp nền mà điện Phật vẫn đứng vững. Từ đó Đức Tông hạ chiếu cho dựng lại, lấy tên là chùa Di-đà.

Những vật thực dư ra ngài đều cho những người đói khác bệnh tật, chẳng phô trương công lao.

Hồi ấy, ngài thọ học với Đường Công ở thành đô, kế đến thọ học với Sần Công ở Tứ Xuyên, Sần Công thọ học với Nhẫn Công ở Đông sơn, những người đó đều là bậc cao đức. Ngài đến Kinh châu tham học với Chân Công ở Ngọc tuyến, Chân Công đem nguồn đạo Hành sơn truyền trao cho ngài, và ngài là bậc thượng thủ trong tông phái, có đến vạn người được ngài giáo hóa. Lúc đó Pháp Chiếu ở Lô sơn, từ trong chánh định xuất thần dạo qua Cực lạc, thấy có một người đắp y đứng hầu Phật. Phật bảo: “Đây là Thừa Viễn ở Hành sơn”. Pháp Chiếu xuất định liền đến cầu học, ngài hứa khả cho Pháp Chiếu theo học. Về sau tông này hoàng truyền trong thiên hạ đều nhờ công của ngài. Ngài thị tịch tại chùa Di-đà vào ngày mười chín tháng bảy niên hiệu Trinh Nguyên thứ mười tám, thọ chín mươi một tuổi, Tăng lạp năm mươi sáu hạ, an táng ở sườn núi phía Nam chùa này. Văn bia được dựng bên phải cổng lớn. Bài minh viết:

*Một luồng khí tràn thịnh vô cùng  
Trên chẳng khởi đầu sau chẳng kết  
Lìa nhưng lại hợp trệ nhưng thông  
Trước sau hoặc khác há nay đồng  
Hư vô hỗn độn đạo dung thông  
Thánh nhân không vết bầy chân giáo  
Ngài bậc xuất chúng nghi dung đẹp  
Địa vị cao vời rũ sạch không  
Ăn mặc cỏ cây trú núi non Hái  
lượm thức ăn đủ nuôi thân  
Hành du vô cực cùng đại hùng  
Thiên tử lễ lạy Tăng theo học  
Bốn phương đua nhau đến cầu ngài  
Phạm Vũ vừa dựng thành Linh cung  
Mối đạo bắt đầu lan tỏa rộng  
Đáp lời người học thấu chân tông*

*Đệ tử tiếp nối mạng mạch ngài  
 Vạn ức muôn nhân thấy chuông ưa  
 Hình hài gởi lại bên sườn núi  
 Hiếu kính mãi truyền khắp dân gian.*

Xin lập văn bia, lược ghi vài lời về dấu tích huyền diệu của sư”.

#### **14. Bài ký về Tịnh Độ viện ở Vĩnh châu:**

Năm này viện Tịnh Độ ở Vĩnh châu được sửa xong, Tư mã Liễu Tông Nguyên viết bài ký:

“Cách Trung châu về phía Tây vài vạn dặm có một nước tên là Thân Độc, đó là nơi mà Phật Thích-ca Mâu-ni Như Lai thị hiện. Đức Phật ấy nói: “Từ đây đi về phương Tây qua mười vạn ức quốc độ có một thế giới tên là Cực lạc, Đức Phật đó hiệu là Vô Lượng Thọ Như Lai. Nước ấy không có ba độc tám nạn, cõi nước do các thứ báu làm thành. Người trong nước ấy không có mười nghìn chín nghìn, cùng làm bạn với chư Thánh. Nếu có người thành tâm phát nguyện về cõi nước đó, khi niệm lực đầy đủ thì sẽ vãng sinh. Sau đó người này ra khỏi ba cõi, không còn thoái chuyển ở trong Phật đạo, lời này không hề hư dối.”

Đời Tấn, Pháp sư Tuệ Viễn ở Lô sơn làm bài ca về niệm Phật Tam-muội, khuyên mọi người thời đó niệm Phật cầu sinh. Sau đó Đại sư Trí Khải ở Thiên Thai soạn Thích Tịnh Độ Thập Nghị Luận nhằm hoằng dương giáo này. Bộ luận nhiệm mầu sâu kín, kẻ mê đều được lợi ích. Bởi vậy những người để lại diễm lạ rồi sinh về cõi ấy đông không kể xiết. Thứ sử Lý Thừa Chí và Tăng Pháp Lâm ở chùa Long hưng, Vĩnh châu dựng Tịnh độ đường ở phía Tây chùa này, họ thường tu tập pháp này. Đến nay đã hai mươi năm rồi, tường vách đã đổ nát, hình tượng cũng hư hoại. Hội Tốn Thượng nhân đang trụ trì tại đây và bắt đầu tu sửa lại. Thượng nhân là người hành trì tối thượng thừa, thấu tỏ đệ nhất nghĩa, thấu tỏ thể không, thấu tận sắc tướng mà lần tìm nguồn chân, thông cái giả hữu mượn cái vô danh mà thể nhập thật tướng, cảnh trí hòa hợp sự lý tương ứng. Thế nên cái nhân vãng sinh cũng phải dùng đến mà không thể bỏ. Ngài nguyện sửa lại chùa này để khai mở hậu học. Lại có thiện tín họa vẽ tượng Phật, thân tướng cực kỳ trang nghiêm. Nay Thứ sử Bằng Công dựng Tam quan để nêu cao địa vị của ngôi chùa. Tôi bèn kéo đến bốn cây cột tròn lớn để dựng nhà Đông, nhà Tây, họa vẽ tượng của hai Đại sĩ, thêu bảo cái tràng phan để trang nghiêm điện đường. Than ôi! Người cầu vô sinh mà sinh biết thuyền bè còn không. Thế rồi tôi đem Thập Nghị Luận của Thiên Thai viết lên

trên tường chùa, để người xem phát khởi tín tâm”.

**15. Pháp sư Trí Biện thí thực được cảm ứng:**

Pháp sư Trí Biện là bậc giải ngộ tuyệt luân, soạn rất nhiều bộ luận, thế nhưng ngài rất ít đồ chúng. Do vậy ngài bỏ pháp tòa về trụ tại chùa Hành nhạc. Mỗi lần xem những bộ luận mình soạn ngài đều than tiếc, cho rằng mình đạt được kiến giải như thế này mà chẳng gặp được tri âm. Hôm nọ bỗng có một vị tôn túc đến mượn những bộ luận của ngài đọc, rồi nói:

- Kiến giải ông rất cao, rất hợp với Phật, nay ít đồ chúng là do thiếu duyên với người. Phật còn không thể độ những kẻ không có duyên, huống gì là những người sơ tâm. Nếu bây giờ ông đem thức ăn bố thí cho chim thú, thì hai mươi năm nữa tất sẽ có chúng.

Nói xong bỗng nhiên vị tôn túc ấy ẩn thân đầu mất. Ngài liền làm đúng lời dạy, bán y, đơn đổi lấy lúa gạo nấu chín rồi rải khắp nơi, bỗng thấy bầy chim bay đến mổ ăn rồi bay đi. Ngài cầu nguyện:

“Những loài ăn cơm của ta xin ngày sau được là pháp lữ”.

Hai mươi năm sau, ngài qua Nghiệp thành khai hội giảng pháp, thính chúng dưới tòa đến hơn ngàn người và đều là những Tỳ-kheo rất trẻ.

**16. Pháp sư Đạo Thọ hàng phục yêu thuật.**

Pháp sư Đạo Thọ thị tịch trong năm này. Đầu tiên sư tham vấn đại sư Thần Tú và lãnh hội được yếu chỉ, Sư đến Thọ châu kết am tranh trên núi Tam Phong và ở đó. Hồ ấy có một người dân quê ăn mặc rất chất phác, nói năng rất dị thường, có lúc hóa hiện thân Phật, Bồ-tát, Thanh văn, thiên tiên... có khi phóng ánh sáng lạ, có lúc phát ra âm thanh lạ, trăm việc yêu huyễn như vậy. Đồ chúng của sư thường bị khiếp sợ, nhưng chẳng ai biết nguyên nhân. Như vậy đến mười năm, người ấy mới ẩn tích không thấy đâu nữa. Sư nói với chúng:

- Gã dã nhân ấy quyền biến vô lượng điềm quái huyễn hoặc mọi người là muốn tiêu diệt cái chẳng nghe chẳng thấy của lão tăng. Những thứ huyễn hoặc rồi cũng cùng tận, còn cái chẳng thấy chẳng nghe của ta vô tận.

Từ đó xa gần nghe tiếng tăm của sư không ai là không tán phục. Đó gọi là thấy quái mà chẳng quái thì quái ấy tự diệt vậy.

Năm này Ngô Nguyên Tế làm phản, chống lại quan quân.

**17. Thiên sư Bá Trượng Hoài Hải:**

Tháng giêng năm này Thiên sư Bá Trượng Hoài Hải thị tịch, thọ chín mươi lăm tuổi. Sư quê ở Trường Lạc, Phước châu. Xuất gia từ thuở nhỏ, học thông cả tam học, theo Mã Tổ xiển hóa ở Giang Tây. Sư chuyên tâm hầu hạ, cùng Thiên sư Trí Tạng Tây Đường là những đệ tử nhập thất. Hồi ấy môn hạ của Mã Tổ đến cả trăm ngàn, hai vị này là bậc thượng thủ trong chúng. Đến khi Mã Tổ thị tịch, Sư qua ở tại núi Bá Trượng, Tân Ngô. Chưa đầy một tháng, nhưng chúng học bốn phương kéo đến đông nghẹt. Dù tuổi hạ cao nhưng làm việc hay nghỉ ngơi cũng bình đẳng như đại chúng. Sư từng nói:

- Một ngày không làm thì một ngày không ăn.

Có vị Tăng hỏi:

- Thế nào là pháp môn đốn ngộ Đại thừa?

Sư nói:

- Trước tiên ông phải đoạn sạch muôn duyên, dứt sạch muôn việc, tất cả các pháp như thiện, bất thiện thế gian, xuất thế gian, chớ ghi nhớ, chớ duyên niệm, buông bỏ thân tâm khiến nó tự tại. Tâm như gỗ đá không có phân biệt, không có chỗ đi. Đất tâm rộng rang thì mặt trời trí tuệ tự hiện như mây tan thì mặt trời xuất hiện, đó gọi là người giải thoát.

Đối với tất cả cảnh, tâm không tĩnh không loạn, không thâu nhiếp không phân tán, đối với tất cả sắc không có ngưng trệ chướng ngại, phải quấy tốt xấu, đúng lý, phi lý, thấu biết hết sạch không bị trói buộc, nơi nơi đều tự tại, đó gọi là Bồ-tát mới phát tâm, liền lên Phật địa.

Nếu tâm dơ sạch đã hết, chẳng trụ trong ràng buộc, chẳng trụ trong giải thoát, không bị tất cả các pháp hữu vi, vô vi trói buộc hay giải thoát, tâm lượng bình đẳng, ở trong sinh tử nhưng tâm này tự tại rốt ráo, không hòa hợp với trần lao hư huyền uẩn, giới, sinh tử, các thứ nhập, siêu nhiên không nương tựa, tất cả không ràng buộc, đi ở đều không ngại, qua lại trong sinh tử tự tại như cửa mở. Nếu gặp các thứ khổ vui, những việc không vừa ý, tâm không thoái lui, chẳng nhớ nghĩ danh lợi áo cơm, chẳng tham công đức lợi ích, chẳng bị các pháp thế gian ngăn ngại, tâm tuy nhận khổ vui nhưng chẳng hề luyến mến, ăn uống đạm bạc cốt nuôi sống thân, mặc áo chấp vá để khỏi phải lạnh, ngơ ngơ như ngu như điếc, sẽ được ít phần tương ứng.

Ở trong sinh tử mà muốn học rộng biết nhiều, cầu phước cầu trí đối với thật lý thật là vô ích, liền bị ngọn gió hiểu biết thổi trôi dạt trở lại trong biển sinh tử. Phật là người không mong cầu, hễ cầu tức trái

lý, lý này là lý không cầu, hễ cầu thì lý liền mất. Nếu không chấp cầu, lại đồng với có cầu, pháp này không hư không thật. Nếu hay phát khởi được tâm như gỗ đá, thì không bị ấm, giới, ngũ dục, bát phong thổi trôi trầm nịch, cái nhân sinh tử liền dứt, đi ở đều tự do.

Tăng hỏi:

- Như nay thọ giới thân tâm thanh tịnh, lại làm đủ các việc thiện, có được giải thoát không?

Sư đáp:

- Giải thoát ít phần chứ chưa được tâm giải thoát.

Tăng hỏi:

- Thế nào là tâm giải thoát?

Sư đáp:

- Chẳng cầu Phật, chẳng cầu trí giải, tình thức dơ sạch đoạn tận, không chấp tâm không cầu là đúng, chẳng trụ chỗ hết đó, cũng chẳng sợ khổ nơi địa ngục, chẳng ham vui nơi thiên đường, không cầu chấp tất cả pháp mới được gọi là vô ngại giải thoát.

Ông chớ cho rằng được chút phần giới, chút ít thiện mà cho là xong, có hằng sa pháp môn giới, định, tuệ vô lậu mà chưa dính một mảy trần. Ông hãy cố gắng dũng mãnh lên đừng đợi đến lúc tai điếc, mắt mờ, đầu bạc, mặt nhăn, già khổ đến thân, mắt thường rơi lệ, buồn thảm triền miên, chẳng biết đi đâu. Đến lúc ấy muốn nghiêm chỉnh tay chân cũng không làm được, dù có phước trí đa văn cũng không xài được, đó là vì duyên niệm các cảnh, không biết phản chiếu, chẳng thấy Phật đạo. Tất cả ác nghiệp tác tạo trong một đời đều hiện ngay trước mắt, tham luyến cảnh đẹp, tùy tâm tham luyến mà thọ sinh trở lại, chẳng có mảy may tự do, làm rồng làm súc sinh, làm kẻ tốt, người xấu, trọn chưa định được.

Tăng hỏi:

- Thế nào là được tự do?

Sư đáp:

- Như nay đối với ngũ dục, bát phong, trong lòng không thủ xả, dơ sạch đều quên, như mặt trời mặt trăng trong hư không, không duyên mà chiếu, cũng như con voi chúa cắt ngang dòng nước mà qua, chẳng bị ngăn ngại. Người như thế này thiên đường hay địa ngục cũng không thể giữ chân họ được.

Phàm học kinh xem giáo lý, đều phải uyển chuyển xoay ngược vào chính mình. Tất cả ngôn giáo chỉ là làm sáng tỏ tánh giác hiện có của mình, không bị tất cả cảnh của các pháp có, không... lưu chuyển

thì gọi là Đạo sư. Chiều phá tất cả cảnh của các pháp có không ấy thì gọi là Kim Cang. Như vậy tất có phần tự do tự tại. Nếu không được như vậy, thì giả sử tụng được mười hai phần giáo cũng chỉ thành Tăng thượng mạn, trái lại là kẻ hủy báng Phật, không phải người tu hành. Đọc kinh xem giáo nếu chuẩn theo thế gian là ham việc thiện, nếu so đo với người sáng lý là người bết tắc. Không lên nổi Thập địa thì lưu nhập vào biển sinh tử, chẳng cần tìm cầu kiến giải, ngôn ngữ, cú nghĩa lia tất cả các pháp có không vượt ngoài ba câu (có, không, chẳng có chẳng không) thì tự nhiên cùng Phật không khác. Đã là Phật rồi thì lo gì Phật không hiểu ngôn ngữ, chỉ sợ không phải là Phật, bị tất cả các pháp có không lưu chuyển chẳng được tự do. Vì vậy khi chưa vững lý mà có trước phước trí, tất bị phước trí kéo đi, như kẻ nghèo nay được giàu sang. Đầu bằng lập vững lý trước, sau đó mới được phước trí. Nếu lúc cần thiết thì liền làm chủ được, nắm đất thành vàng, biển nước biển thành tô lạc, đập núi Tu-di thành bụi nhỏ, từ một nghĩa làm thành vô lượng nghĩa, từ vô lượng nghĩa làm thành một nghĩa.

Mỗi lần giảng pháp xong, đại chúng đi ra, Sư liền gọi, đại chúng quay đầu lại, Sư hỏi:

- Là cái gì?

Học nhân thường rất chú tâm đến câu nói này của Sư.

Sư cho rằng từ Thiếu Thất đến Tào Khê, Thiền tông phần đông ở trong chùa Luật, thuyết pháp trụ trì chưa có thanh quy. Sư có ý muốn lập riêng một thanh quy cho Thiền tông. Người nào đủ đạo nhân, có đức cao được gọi là Trưởng lão. Đã làm Hóa chủ thì phải ở phương trượng, không lập điện Phật chỉ dựng pháp đường nhằm nêu cao sự truyền thọ yếu chỉ của Phật, Tổ. Học chúng không kể nhiều ít, không phân cao thấp. Khi vào Tăng đường thì căn cứ theo tuổi hạ mà ngồi theo thứ lớp. Sư đặt trường liên sàng, đặt giá mặc y áo, đạo cụ vật dụng, nằm phải nằm nghiêng gối lên đầu giường. Người ngồi thiền ngồi lâu có thể tạm được nghỉ ngơi. Trừ những lúc nhập thất tham vấn, những học nhân siêng năng hay giải đãi cũng không sao. Hoặc ở trên hay ở dưới không câu thúc theo chuẩn mực thông thường. Đại chúng sáng tham thiền, chiều nhóm chúng, Trưởng lão thượng đường thăng tòa, chủ sự đồ chúng đều đứng lắng nghe, chủ khách đàm luận nêu tỏ tông yếu, hai bữa cơm cháo phải chia đều cho chúng, hoặc đi lao động thì trên dưới đều ra sức như nhau. Sư đặt ra mười việc trong liêu xá, mỗi việc cử một người đứng đầu quản lý các việc, khiến ai nấy đều làm đúng phận sự. Nếu có kẻ mượn danh trà trộn trong chúng cùng đặt ra những điều làm náo loạn chúng



Tăng, thì Duy na phải kiểm xét chỉ ra, rút phép quải tháp, đuổi ra khỏi viện. Nếu người đó phạm thanh quy, phải bị đánh bằng trụ trượng nhóm chúng đốt hết y bát vật dụng, đuổi ra theo cổng phụ để họ biết sỉ nhục. Thanh quy thiên môn đại loại như vậy.

Về sau từng lâm ngày một thịnh, các bậc tông sư đương thời dựa vào đó mở rộng thêm ra đến nay có thể nói Bộ Thiên Uyên Thanh Quy rất hoàn bị.

### ***18. Văn bia nói về công trạng của Luật sư Đại Minh:***

Năm này, Hà Đông Liễu Tử Hậu soạn văn bia cho Luật sư Đại Minh ở Nam nhạc. Trong ấy nói:

“Nho lấy lễ lập nhân nghĩa, không có lễ thì bại hoại. Phật lấy Luật giữ định tuệ, bỏ Luật thì tan rã. Thế nên, người ta bỏ lễ mà lập nhân nghĩa thì không được coi là Nho. Người bỏ Luật mà tìm định, tuệ thì không được xem là Phật. Người thấu tỏ mối đạo này chỉ có Luật sư Đại Minh.

Sư họ Âu Dương, hiệu là Tuệ Khai, sinh vào năm Khai Nguyên năm thứ hai mươi mốt, đời Đường, xuất gia năm Thiên Bảo htứ mười một. Đại Lịch năm thứ mười một sư đăng đàn làm Đại Luật sư. Sư thị tịch vào ngày mười bốn tháng mười một năm Trinh Nguyên thứ mười lăm. Tháng giêng năm Nguyên Hòa thứ chín, đệ tử sư là Hoài Tín, Đạo Tung, Ni Vô Nhiễm... thỉnh Cao Tăng Linh Tự soạn hành trạng, nêu lại việc làm của sư xin khắc vào bia này. Nguồn tông xuyên suốt nay được nêu vài lời. Trước kia sư làm quan, gia thế ở Đàm châu, là gia tộc lớn, tước vị cao sang nhưng sư không làm quan mà làm Đại cao Tăng. Đạo Phật suy vi, đồ chúng ít giữ Luật, phế bỏ kinh, Sư rất lo sợ. Bấy giờ sư theo từ người giỏi đến người dốt để nghiên cứu giới Luật. Nhờ vậy mà đại pháp được trùng hưng, lại theo đủ bậc cao minh để học thông kinh giáo, nhờ vậy mà diệu nghĩa được trùng hưng. Từ đó Giáo và Luật sáng tỏ rõ ràng, hậu học không còn nghi ngờ nữa, người đến cầu học thấy đều lợi ích.

Quảng Đức năm thứ ba sư mới dựng chùa Đại Minh ở Hành sơn. Vua hạ chiếu tuyển chọn hai mươi mốt người ở chùa này, Sư là người thượng thủ.

Càn Nguyên năm thứ ba, vua hạ chiếu lập Tỳ Ni tạng tại Hành sơn, thỉnh bảy Luật sư, Sư cũng có trong số đó. Y phục vật dụng của sư đều đúng phép tắc, nói năng đi đứng đều làm mẫu mực cho người. Học chúng thân cận có đến vài trăm, những người được xuống tóc truyền



gười có đến vài vạn. Chúng đông nhưng ngài không lấy làm mãn ý, địa vị cao nhưng rất nhún nhường, tối nhưng rực rỡ, hạn hẹp nhưng bao la. Mênh mông thay! Không gì hơn thế nữa.”

Tháp của sư ở nền phía Tây ngọn Chúc Dung, bia được dựng phía Đông tháp. Trong ấy viết:

“Nho nhờ Lễ mà thịnh, Phật nhờ Luật mà hưng, chỉ về nguồn chân, không có Đại Tiểu. Luật của sư Đại Minh là định là tuệ, bao quát kinh giáo là pháp xuất thế, độ người vô lượng, ban phước vô cùng, vua hạ chiếu tôn là bậc thạc đức, uy nghi vượt bậc, đạo trải nơi nơi, đức âm còn mãi. Phía Tây Chúc Dung, phía Nam Động Đình, bia vàng ghi lời để lại ngàn năm”.

Tử Hậu lại viết trong bia:

“Phàm an táng Đại cao Tăng không đào mộ huyết lại không dựng bia. Thế nhưng xưa kia theo lễ Công thất được dùng bia, sau đó con cháu làm theo mà không bỏ, ghi lại đức hạnh lưu truyền mãi cho hậu thế. Đến đời Tần được khắc vào đá, gọi đó là Công Đức hay còn gọi là Bia. Từ đó thịnh hành phong tục này. Thế nên dù là Cao tăng cũng phải nên dựng bi. Phàm an táng Đại cao Tăng, do đồ chúng đông, nên có thể đồ chúng soạn văn bia. Đời Tống, Tấn chuộng pháp, nên văn bia thường nói về pháp. Đời Lương chuộng Thiền, nên văn bia phần nhiều nói về Thiền. Lúc pháp chưa tỏa khắp, Thiền chưa cực thịnh nhưng Luật tồn tại, thế nên những đời gần đây, văn bia phần nhiều thiên về Luật. Xưa nay an táng Đại cao Tăng, chưa từng có Tỳ-kheo-ni nào đứng ra soạn văn bia. Nay Ni Vô Nhiễm thật tâm rơi lệ thỉnh cầu, lòng thành kiên cố và có thể nói bà cũng là người tài đức hoàn bị, nên cho dựng soạn văn bia”.

Trong hai mươi hai năm làm Luật chủ, những người như Tế tướng Tề Công Ánh, Lý Công Bí, Triệu Công Cảnh, Thượng thư Tào Vương Cao, Bùi Công Trụ, Thị lang lệnh Cô Công Hoàn, có người sư làm thầy họ, có người sư làm bạn họ, họ cùng nghe sư giảng đại nghĩa nguyện làm đệ tử.

Lại nữa lúc còn nhỏ, Sư mộng thấy Đại nhân đội mũ the, mang giấy trắng đến nói với sư:

- Làm đạo ta rạng rỡ ở Nam nhạc chính là ông.

Về sau quả nhiên đúng như vậy. Trong đêm sư sắp lâm chung, trong thất có quang minh, lại nghe tiếng khánh, tiêu. Đại chúng đều nghe thấy. Những điềm như vậy hiện ra rất nhiều.

Những gì Nho gia không đề cập đến nhưng vô nhiễm ân cần xin

được ghi, thế nên tôi viết vào phần cuối văn bia. Vô Nhiễm họ Vi, gia thế vinh hiển, nay làm người đứng đầu giới pháp ở Hành sơn.

**19. Văn bia về việc Mã Tổng xin vua ban thụy cho Lục tổ:**

Kinh lược Nam Hải là Mã Tổng cho rằng Lục tổ Tào Khê chưa có thụy hiệu, nên ông tâu với thiên tử, thiên tử liền ban cho Tổ thụy là Đại Giám. Mã Tổng bèn sai Hà Nam Liễu Tông Nguyên soạn văn bia ghi lại việc này. Trong ấy ghi:

“Phù Phong Công Liêm hỏi về việc Lĩnh nam Lục tổ chưa có thụy hiệu, bèn dâng sớ tâu về triều, thiên tử ban cho Tổ thụy là Đại Giám Thiển sư, thụy hiệu là Linh Chiếu. Ngày mười ba tháng mười niên hiệu Nguyên Hòa thứ mười, vua sai Thượng thư Từ Bộ Phù đến đô phủ, Phong Công sai Bộ lại Kỵ châu Tư Công Cứ cáo đọc trước tháp. Tràn phan bảo cái, chuông trống, chúng Tăng chập cả hang núi, người người đều tụ hội, chấn động cả quỷ thần. Hôm ấy có đến hơn ngàn học giả, ai nấy đều hân hoan tưởng chừng như sư tái sinh, họ cảm động rơi nước mắt, bụi ngài mền mộ như sư mới thị tịch.

Văn bia ghi tiếp:

“Từ khi có sinh vật thì sự đấu tranh tương tàn nổi lên làm bại hoại bản chất. Con người làm trái luân thường chẳng ai chịu tìm về cội nguồn ban sơ. Khổng Tử không có ngôi cao, mất đi vẫn còn di huấn cho đời, lại nêu cao Mặc Gia, Hoàng Lão. Từ đó đạo giáo ông ấy lan rộng phần vinh rồi Phật giáo ta mới xuất hiện. Ngay trong cách ly mà tìm về cội nguồn, đó gọi là sinh sôi nhưng lại tĩnh lặng. Nhà Lương thích làm việc hữu vi, từ đó Không tông của Đại sư Đạt-ma càng biểu lộ rất rõ. Đại sư truyền đến đời thứ sáu, người thừa đương là Đại Giám. Ban đầu Đại Giám cần khổ cầu học Ngũ tổ, dưới một lời nói thì hoá nhiên tỏ ngộ, được truyền trao y bát, ẩn trốn ở Nam Hải mà chẳng ai hay biết. Năm thứ mười sáu, cơ duyên hóa độ đã đến, Sư bèn trụ ở Tào Khê làm Đạo sư của muôn người, thường có ngàn người đến đây cầu học. Đạo của sư lấy vô vi làm hữu, lấy rộng rang làm thật, lấy cái rộng lớn vô biên làm nơi quy thú. Giáo pháp của sư chủ trương tánh con người vốn thiện, rốt cuộc vẫn là thiện chẳng nhờ tôi luyện, tánh ấy vốn tĩnh lặng. Trung Tông nghe danh sư liền sai thị thần đến thỉnh nhưng sư không vào triều, giữ vững mối đạo, khai mở tâm tông. Những lời dạy bảo của sư hiện nay còn đủ, lưu hành khắp thiên hạ.

Nói đến Thiển đều phát xuất từ Tào Khê. Đại sư thị tịch khoảng một trăm lẻ sáu năm, những người quảng bá tâm tông nổi tiếng trong

thiên hạ có đến mười mấy người không thể kể tên hết được. Mãi đến nay mới bẩm báo việc này với thiên tử và được thiên tử ban cho Đại thụ. Đó là việc làm ủng hộ đạo ta, lẽ đâu không làm chẳng.”

Phong Công khi được trưng dụng, ban đầu rất chú trọng đến Nho gia, giữ Kiên châu, An nam. Đại Man Di trong nước cho đến dân Thân Độc phía Tây thường theo đường biển đến nghe lệnh đều nhờ ân đức của ông. Ông nhận cờ xí ấn tiết đến trấn giữ vùng Nam Hải, chinh phục rất nhiều quốc gia khác. Ông chẳng giết, chẳng nổi giận nhưng ai nấy đều khiếp sợ không dám làm loạn. Tự khắc bản thân, lòng nhân sáng lạng, không kém gì Đại Giám, xưa nay ít ai được như ông.

Học trò của ông đời bia đá về triều, sứ đến niêm từ vào văn bia. Trong ấy ghi:

*Đạt-ma lòng lộng  
Truyền Phật diễn tâm  
Sáu đời nối truyền  
Cho đến Đại Giám  
Cần lao chuyên trì  
Trọn thâm nhập sâu  
Lãnh thọ y bát  
Ẩn tại Hoài Âm  
Khai mở đạo mâu  
Ở tại Tào Khê  
Ở trong tạp nhạp  
Chí khí càng cao  
Toàn nêu mối huyền  
Toàn khen đạo lớn  
Tánh thiện xưa nay  
Vật nào cũng có  
Bôn ba toan tính  
Thú hướng trăm đường  
Chẳng nghĩ càng loạn  
Chẳng tỉnh càng mê  
Đại sư phản quan  
Giữ mình trong sạch  
Chẳng trông gốc rễ  
Chẳng xới cây non  
Dung thông trong ngoài  
Tinh rỗng thông suốt*

*Thời vua Trung Tông  
Thỉnh vào triều nội  
Từ chối lệnh vua  
Tiêu diêu ngoài đời  
Mất hơn trăm năm  
Chưa có thụ hiệu  
Nhờ Phù Phong công  
Trình lên thiên tử  
Sau đó Thượng thư  
Thuật lại hành trạng  
Trời Nam sáng lại  
Giáo pháp phục hưng  
Đồ chúng muôn ức  
Vui buồn lẫn lộn.*

Đạo pháp của sư bao trùm thiên hạ. Đến Phù Phong Công, Phong Công thường đề cao thiên tử, do đó thiên tử rất vui, thường ngợi khen ông. Đến như Hải Di cũng có tháp của Sư. Sư đem tâm nhân từ truyền giáo, Phong Công cũng dùng từ tâm mà thể hội. Lời văn khắc trong bia đá trọn đời không phai.

Đời Tống năm Thiệu Hưng thứ hai, Cư sĩ Đông Pha ngang qua Tào Khê, có ghi lại rằng:

“Thích-ca dùng văn nghĩa dạy người, giáo nghĩa được dịch ở Trung Quốc hầu hết mượn chữ nghĩa của Nho gia để trình bày, dần dần rộng khắp. Vì vậy các kinh Đại thừa như Thủ-lăng-nghiêm sở dĩ khúc chiết, uyên thâm, thù thắng, nổi bậc là nhờ Phòng Dung bút thọ. Liễu Tử Hậu vân du về Nam mới bắt đầu nghiên cứu Phật pháp, viết các văn bia như Tào Khê, Nam nhạc. Đó đều là những áng văn tuyệt tác xưa nay. Thế nhưng Nam Hoa mãi đến ngày nay vẫn không được khắc đá. Trưởng lão Trùng Biện là người thông cả Nho, Thích, học hạnh lại cao vời. Ông ấy cho rằng từ đời Đường đến nay, những người thuật công hạnh chư Tổ rất nhiều nhưng chưa có ai thông sách sử như Tử Hậu. Bởi vì suy đến tận gốc thì những lời ấy hợp với Mạnh Kha. Như vậy không khiến học giả thấy là thuộc ngay sao được. Do đó ông muốn khắc hết vào đá nhờ tôi viết mấy dòng này.”

### **20. Đặng Ấn Phong ở Ngũ Đài:** (Bính Thân)

Thiền sư Ấn Phong từ Hoàn nhạc đi Ngũ Đài. Đến đất Hoài, Sư gặp phải Ngô Nguyên Tế án binh ở Tề châu nhằm chống lại triều đình.

Quan binh và giặc loạn đang giao đấu nhau chưa phân thắng thua. Sư nghĩ ta phải cứu nạn này. Thế rồi sư vung tích trượng lên hư không, phi thân bay qua. Tướng sĩ hai bên trông thấy kinh ngạc, dứt tâm đấu tranh. Nhờ đó quan binh triều đình thắng trận.

Sư họ Đặng, thuở nhỏ như người đần độn, cha mẹ cho sư xuất gia. Sau khi thọ Cụ túc, Sư đến tham vấn Mã Tổ. Dưới lời của Tổ sư liền khế nhập tông chỉ.

Một hôm sư đang đẩy xe, Tổ ngồi duỗi chân giữa đường. Sư thưa:

- Thỉnh thầy rút chân.

Tổ nói:

- Đã duỗi thì không rút.

Sư nói:

- Đã tiến thì không lùi.

Thế là sư đẩy xe qua luôn cán chân Mã Tổ bị thương. Về pháp đường, Tổ cầm cái rìu hỏi:

- Người nào vừa rồi đẩy xe làm bị thương chân Lão tăng, bước ra đây mau!

Sư liền bước ra trước tổ ngựa cỏ chờ chém. Tổ bèn cất rìu.

Về sau sư vân du khắp nơi. Đến đâu sư cũng để lại những việc kỳ lạ. Chơi trò thần dị lâu ngày, Sư sợ sẽ mê hoặc người khác, nên muốn vào động Kim Cang ở Đài sơn thị tịch. Trước khi thị tịch sư hỏi chúng:

- Ta thấy các vị tiền bối khi tịch ngồi có, nằm có, thế có ai đứng tịch chưa?

Chúng đáp:

- Có.

- Có ai lộn ngược mà tịch chưa?

Chúng đáp:

- Chưa từng có.

Sư bèn lộn ngược rồi thị tịch, nhưng y áo vẫn nguyên vẹn như đứng bình thường. Chúng muốn đặt thi thể vào áo quan để trà-tỳ nhưng xô hoài chẳng ngã. Dân chúng xa gần đua nhau đến lễ lạy trầm trồ. Sư có người em gái xuất gia làm Ni cũng có mặt ở đó. Cô ấy đến bên sư rồi trách:

- Anh ngày thường náo động bốn phương chẳng tuân phép tắc, nay chết lại còn làm trò mê hoặc người khác.

Trách xong, cô lấy tay xô thân sư liền ngã xuống. Chúng đem nhục thân trà-tỳ thâu lấy xá-lợi dựng tháp trên Ngũ Đài.

**21. Thiên sư Quy Tông Trí Thường:**

Mắt sư có hai đồng tử, Sư dùng thuốc đắp lên. Giâu lâu mở ra vành mắt có màu đỏ. Từ đó người ta gọi sư là Thức Nhãn Quy Tông.

Giang châu Thứ sử Lý Bột có lần hỏi Sư:

- Trong kinh nói Tu-di chứa hạt cải, thì bột này không nghi còn nói hạt cải chứ Tu-di, có phải nói dối không?

Sư gạn lại:

- Người ta đồn Sử quân đọc hết muôn quyển sách phải không?

- Đúng vậy.

- Từ đầu đến chân chỉ lớn bằng cây dứa nhỏ, muôn quyển sách ấy để chỗ nào?

Lý Bột cúi đầu lặng thinh, Bột hỏi tiếp:

- Cả một đại tạng kinh thấu tỏ được việc gì?

Sư đưa nắm đấm rồi hỏi:

- Hiểu không?

- Không hiểu.

- Đưa một nắm đấm mà cũng không hiểu.

- Xin thầy chỉ rõ.

- Hiểu thì giữa đường tiếp nhận, không hiểu thì trầm luân trong dòng đời.

Có lần sư khai thị chúng:

“Các bậc Cổ đức xưa kia không phải chẳng hiểu biết. Họ là bậc cao sĩ không giống kẻ tầm thường. Người thời nay không thể tự thành tự lập, để ngày giờ trôi qua vô ích. Các ông chớ dụng tâm bậy bạ, không ai thể được các ông, lại cũng không có chỗ để các ông dụng tâm. Chớ tìm cầu ở người khác. Từ trước chỉ nương người khác mà hiểu, nói năng đều kẹt, ánh sáng không lọt qua được là do trước mắt các ông có vật cản.”

Có vị Tăng hỏi:

- Thế nào là huyền chỉ?

- Không ai hiểu được.

- Trước đây thì thế nào?

- Có trước đây tức sai.

- Lẽ đâu không có đường để người học vào sao?

- Quán Âm sức trí diệu, hay cứu khổ thế gian!

- Thế nào là sức trí diệu của Quán Âm?

Sư gõ lên đầu ba cái rồi hỏi:

- Ông nghe không?

- Nghe.

- Sao ta chẳng nghe!  
 Tăng không đáp được. Sư cầm gậy đuổi ra.  
 Hôm khác sư thượng đường nói:  
 - Hôm nay ta muốn giảng thiền, các ông hãy lại gần đây.  
 Đại chúng tiến đến gần sư nói:  
 - Ông nghe hạnh Quán Âm, khéo ứng khắp nơi chốn.  
 Tăng hỏi:  
 - Thế nào là hạnh Quán Âm?  
 Sư liền khảy móng tay hỏi:  
 - Các ông nghe không?  
 - Nghe.  
 Sư nói:  
 - Cả bọn tìm cái gì trong ấy?  
 Sư cầm gậy đuổi ra, cười vang rồi trở về phương trượng.  
 Sư thị tịch, có một Hiền giả đọc bài tán trước tượng sư rằng:  
*Tri kiến đâu cao gì  
 Che mắt tránh trời thôi  
 Hồi quan rửa tai người  
 Ngàn năm không hổ thẹn.*

## 22. Thị giả Bồ Mao Hội Thông:

Ngô Nguyên Khanh là người thông minh xuất chúng, Hiến Tông rất thích ông. Một hôm ở trong cung Chiêu Dương, thấy hoa cỏ xanh thơm, ông bèn đi dạo thưởng ngoạn. Bỗng nghe trong hư không có tiếng nói:

“Tướng hư huyền còn mất không dừng, hay hủy hoại thiện căn, nhân giả chớ mê đắm”.

Nguyên Khanh nghe xong chợt bừng tỉnh, lập chí xuất gia.

Hôm nọ, ông cùng vua dạo chơi trong cung, vua hỏi:

- Sao khanh không vui?

Ông đáp:

- Thần từ nhỏ không ăn mặn, lập chí xuất gia.

Vua nói:

- Trẫm xem khanh như anh em, nếu khanh muốn làm quan giàu sang hơn người thì ta chấp thuận, còn như muốn xuất gia thì không được.

Mười ngày sau, thấy mặt ông hốc hác vua thương tình bảo:

- Thôi, theo nguyện vọng của khanh, hãy chọn ngày rồi đến bái

tấu.

Nguyên Khanh chịu ân, lạy tạ vua. Vừa lúc ấy có người cùng quê đến báo mẹ ông bị bệnh. Nguyên Khanh xin vua về săn sóc mẹ. Vua tặng phẩm vật rất hậu và đưa ông ra bến đò. Nguyên Khanh về đến nhà gặp ngay Pháp sư Thao Quang kéo ông đến yết kiến Thiền sư Điều Khòa. Ông thưa:

- Lên bảy tuổi con ăn chay, mười một tuổi thọ ngũ giới, đến nay đã hai mươi hai tuổi rồi. Vì muốn xuất gia nên con từ quan. Mong Hòa thượng độ con làm Tăng.

Điều Khòa nói:

- Hiện nay chư Tăng ít có người cần khổ tu hành phần đông chỉ lợi dụng tướng Tăng thôi.

Nguyên Khanh thưa:

- Vốn sạch thì chẳng cần lau chùi, nguồn sáng không thể tự chiếu được.

- Nếu ông thấy được tịnh trí vi diệu, viên dung, thể vốn rỗng rang vắng lặng, thì đã là chân thật xuất gia rồi mượn tướng bên ngoài làm gì. Ông nên làm Bồ-tát tại gia giữ giới bố thí như bọn Tôn, Hứa đi!

- Lý tuy như thế, nhưng không phải bổn nguyện của con, mong Hòa thượng thấu nhận, con nguyện sẽ theo lời thầy dạy.

Nguyên Khanh xin ba lần nhưng Thiền sư vẫn không hứa khả. Thao Quang liền xin thay:

- Ông ấy tuy làm sứ trong cung nhưng chưa từng có vợ, cũng không muốn nuôi thị nữ, nếu Thiền sư không thấu nhận, thì ai có thể độ ông ấy.

Thiền sư Điều Khòa liền nhận ông, xuống tóc và cho thọ Cụ túc đặt pháp hiệu là Hội Thông.

Nguyên Khanh ngày đêm tinh tấn tụng kinh, tu An ban Tam-muội. Bỗng một hôm ông quyết từ giã thầy đi du phương.

Điều Khòa hỏi:

- Ông định đi đâu?

- Hội Thông vì Phật pháp mà xuất gia, nhờ Hòa thượng từ bi chỉ dạy, nay muốn du phương học Phật pháp.

Điều Khoa rút sợi chỉ trong thân ra thối một cái. Hội Thông ngay đó tỏ ngộ huyền chỉ. Thời bấy giờ người ta gọi ông là Thị giả Bồ Mao.

### **23. Pháp sư Trọng Tốn được Trung Thừa mời đến nhà:**

Từ Sương Tây, Pháp sư Trọng Tốn được thúc phụ là Trung Thừa



mời đến nhà. Lúc đi, Liễu Tử Hậu tặng ông mấy lời rằng:

“Có người hỏi Tông Nguyên:

- Hay thật! Ông có được Tồn thượng nhân, thế đạo quả ông ấy thế nào? Tông Nguyên đáp:

- Từ nhỏ tôi học Phật, đã ba mươi năm cầu cái đạo của ông ấy. Những điều thế gian nói ít có ai thông. Ở Linh lăng chỉ riêng mình tôi tiếp nhận được. Vả lại lời Phật nói tôi cũng không thể không nghe. Những gì còn trên đời chỉ có trong sách ấy, nếu không tìm trong cuốn sách đó thì chẳng bao giờ có được những lời như thế. Vả lại lời nói vốn bất khả đắc, huống gì là lý ư? Nay là thượng nhân thì đọc hết sách đó, thấy được lời đó mà hiểu được ý đó. Suy cho cùng dù đọc vạn lời mà không phiến; xét cho khắp thì lập một mớ từ nhưng chẳng sót. So với việc phân tích từ chương, đề cao danh tự của thế gian, lời lẽ nếu đến chỗ tận cùng thì mênh mông nhưng lại thất thủ. Biện luận dẫu có nhiều tuy kẹt nhưng lại còn. Như vậy chẳng phải xa ư? Theo thấy biết của tôi, những người giỏi nói Phật pháp trên thế gian này đối với tôi thì có sư Tuệ Thành, ở đất Kinh thì có sư Hải Vân, ở phía Nam đất Sở thì có sư Trọng Tồn. Lời của thầy còn thì Phật đạo không xa. Sư Tuệ Thành thì đã mất, người nói đến Phật thời nay lại càng ít. Họ là những người từ Nho gia mà thông Phật pháp. Trịnh Trung Thư đến Mạnh Thường Châu, Trung Thư thấy Thượng nhân cầm cuốn kinh do thầy trao cho, mà nói:

- Ta thấu đạt được Trung đạo.

Thường Châu nói:

- Từ Phật pháp mà có được chút phần đây thôi, đó là nhờ thầy bạn chỉ dạy.

Nay Liên Suý Trung Thừa sắm đủ ghe thuyền tới đón, lại sửa sang nhà nghỉ mà đợi, là muốn cái đạo của ông ấy được lan truyền khắp nơi. Lẽ đâu đó là việc vô ích sao.

Trung Thừa là người ngay thẳng thanh cao, nghiêm khắc; Trung Thư là người giỏi biện bác; Thường Châu là người thông đạt mà vẫn còn trọng cái đạo của ông ấy, huống gì tôi chỉ là một người mù mờ.

Phàm mọi người hòa thuận là do đại nhân chủ xướng. Cuối mạn Nam của Động Đình là Nam Hải, nơi ấy sông nước mênh mông, người cầu đạo chiếm hết nửa thiên hạ. Hễ khởi xướng thì lan rộng đến nơi xa, đó là việc nên làm. Được vậy thì những người hòa thuận ấy dẫu nằm dưới mồ cũng bị kinh động mà không thể nằm yên”.

Thế là bộ sách ấy từ đó được đổi thành “Bài Tựa Nói Về Việc Tồn Thượng Nhân Được Thúc Phụ Là Trung Thừa Mời Đến Nhà”.

#### **24. Mã Lang Phụ ở Thiểm hữu:**

Không ai biết Mã Lang Phụ xuất thân từ đâu. Hồi ấy nhà Đường mới thịnh, Phật pháp rất thịnh hành, nhưng vùng Thiểm hữu còn tập tục người nữ cưới ngựa bán cung. Tính tình con người ở đây dữ ngầm, thích đấu đá. Họ nghe nhiều đến Tam bảo nhưng chẳng biết Phật pháp vốn là thiện đạo. Phụ thương họ là những người ngu muội bèn muốn đến đó.

Người ta thấy một thiếu phụ chưa chồng con, phong độ phi phạm, dung nhan kiêu diễm lại không có thị vệ, nô tỳ đi theo nên ai cũng muốn kết thân. Phụ nói:

- Ta vốn không còn cha mẹ, anh em cũng ít. Ta cũng muốn có nơi gửi phận nhưng không thích người giàu sang mà chỉ thích trang nam tử thông minh tài giỏi tưng thuộc bản kinh mà ta đang cầm đây. Được vậy thì ta xin theo hầu hạ người đó.

Có rất nhiều chàng thanh niên muốn thi thố. Phụ bèn trao cho họ phẩm Phổ Môn và nói:

- Chỉ một đêm, người nào đọc thuộc ta sẽ làm vợ người đó.

Đến sáng hôm sau có đến hơn hai mươi người đọc thuộc. Phụ nói:

- Ta thân gái một mình, gia thế lại có lễ nghi, mình ta không thể lấy ngần người ấy được. Thôi thì đọc thuộc kinh khác.

Thế rồi Mã Lang Phụ lại trao cho họ bản kinh Kim Cang Bát-nhã và cũng giao hẹn y như trước. Sáng hôm sau cũng có đến hơn mười người đọc thuộc. Phụ lại trao cho họ bộ kinh Pháp Hoa gồm bảy quyển, giao hẹn trong ba ngày phải đọc thuộc. Lần này nếu ai đọc thuộc nàng nhất định kết hôn với người đó. Đến ngày hẹn chỉ có một người họ Mã đọc thuộc. Mã Lang Phụ nói:

- Chàng là người giỏi hơn mọi người, nhưng phải thưa với cha mẹ chàng đem lễ vật đến làm mối cưới xin, sau đó mình mới thành thân được. Bởi vì danh tiết của con người lẽ đâu như bọn tạp nhạp không biết tự trọng sao!

Anh chàng họ Mã đồng ý, sắm đủ lễ vật đến đọn vợ. Vừa đến người vợ này bảo rằng:

- Vừa rồi đón tiếp khách khứa trong người không được sạch sẽ chàng hãy về phòng đợi, thiếp tắm rửa xong hai ta vui vậy cũng không muộn mà!

Anh chàng họ Mã vui vẻ về phòng mình ngồi đợi. Nhưng khách khứa chưa về hết thì Mã Lang Phụ mệnh chung. Vừa chết thì thân xác tan hoại, người chồng chẳng hiểu tại sao, đành đào huyệt an táng.

Mấy ngày sau, có vị lão Tăng mặc ca sa, diện mạo phi phàm, chống tích tìm đến, tự nói mình là người thân của cô gái đó, rồi đến nhà anh họ Mã ấy tìm hiểu nguyên do. Anh chàng họ Mã bèn dẫn vị Tăng đến nơi chôn vợ, người ta đi theo xem rất đông. Vị Tăng dùng tích trượng khai quật ngôi mộ thì thấy thi thể cô gái ấy đã tiêu hoại, duy chỉ còn lại đốt xương dính với nhau như cái khóa bằng vàng. Vị Tăng hốt xương ra sông rửa, treo trên đầu tích trượng rồi nói với mọi người:

“Đây là Thánh nhân vì thương các người vốn nghiệp chướng sâu dày, ái căn trói buộc nên đến đây hóa độ. Các người nên làm điều thiện để khỏi đọa trong biển khổ.”

Nói xong, bỗng nhiên vị Tăng phi thân lên hư không mà đi. Mọi người trông thấy rơi lệ lễ bái. Từ đó ở Thiểm hữu có rất nhiều người thờ Phật, toàn nhờ sự giáo hóa của Mã Lang Phụ (vợ anh chàng họ Mã)

### **25. Văn bia nói về công trạng của Luật sư Thượng Hoàng:**

Năm này, Luật sư Thượng Hoàng trụ trì chùa Cảnh Vân ở Phủ châu thị tịch. Tư mã Giang châu là Bạch Cư Dị viết văn bia rằng:

“Mùa xuân năm Nguyên Hòa thứ mười một, chư Tăng chùa Đông Lâm, Lô sơn như: Đạo Thâm, Hoài Túng, Như Kiến, Xung Khế... cả thảy hai mươi người, cùng hơn ngàn Cư sĩ khác cầm một tờ hành trạng của cố Đại đức chùa Cảnh Vân là Hoàng Công, cùng mười vạn đồng đến Tầm dương nhờ Tư mã Bạch Cư Dị soạn văn bia cho Tôn sư. Gặp lúc Cư Dị có việc nên không soạn được.

Mùa hạ năm thứ mười hai làm mộ xong, lại đến nhờ, lần này Bạch Cư Dị bị bệnh nên cũng không soạn được. Mùa đông năm thứ mười ba, dựng tháp xong lại đến nhờ tiếp, lần này Cư Dị mới soạn được. Sau đó chư Tăng về lại núi, mọi người ai về làng nấy tiền cũng trả lại cho chùa. Sáng hôm sau, văn bia soạn xong. Năm sau thì dựng bia. Văn bia viết: “Tôi nghe thiên đức của Thiên Trúc tìm được pháp xuất thế. Pháp ấy chủ yếu có ba là giới, định, tuệ. Giới sinh định, định sinh tuệ, tuệ sinh tám mươi bốn ngàn pháp môn. Ba pháp ấy hỗ dụng lẫn nhau. Nếu theo thứ lớp thì định là nhân của tuệ, giới là gốc của định. Gốc đã trồng thì cành lá mới sum suê. Nhân đã gieo thì tất có quả trĩu. Không có nhân mà muốn trĩu quả, chẳng khác nào là quả trong mộng. Không có gốc mà muốn sum suê cũng giống như nhóm cây non. Tuy Phật dùng Nhất thiết chủng trí để nhiếp hóa ba cõi, nhưng đều lấy giới làm đầu. Bồ-tát dùng sáu độ Ba-la-mật giáo hóa bốn loài nhưng không bỏ Luật. Cái dụng của Luật có thể nghĩ bàn hay không nghĩ bàn. Trong mười Đại đệ tử của

Như Lai, Ưu-ba-ly là người trì Luật nổi tiếng. Ưu-ba-ly diệt độ có Đại sư Nam sơn kế thừa. Nam sơn tịch có Đại sư Cảnh Vân tiếp nối.

Sư hứ là Thượng Hoàng, họ Nhiêu, Tăng tổ là Quân Nhã, Tổ là Công Duyệt, thân phụ là Tri Cung. Sư quê ở thành Nam, Lâm Xuyên. Từ nhỏ đã là người hiểu biết, mười lăm tuổi đã phát tâm xuất gia. Ban đầu theo cậu mình thế phát, lớn lên có tính tự lập. Năm hai mươi lăm tuổi, Sư lập nguyện Bồ-đề theo Luật sư Nam Nhạc Đại Viên thọ Cụ túc. Từ đó tâm đam mê Phật pháp phát sinh. Thế là trong năm Đại Lịch, Sư từ già cha mẹ, quê hương để tu học tại chùa Cảnh Vân trong châu này. Ứng với tinh thần vô sở trụ, nên trong năm Trinh Nguyên sư lìa ngã, ngã sở đời qua ở tại chùa Long hưng thuộc Hồng châu và giảng pháp. Cần phải thân gần Thiện tri thức, nên sư thường giao du với năm Trưởng lão là Khuông Sơn Pháp Chân, Thiên Thai Linh Hựu, kinh Môn Pháp Duyệt, Hưng Quả Thần Thấu, Kiến Xương Tuệ Tiến. Phải đem Phật pháp gửi gắm cho vua tôi nên sư thân thiện với Khương Tướng Quốc Công Phụ Nhan Thái Sư Chân Khanh, Bồn Đạo Liêm Phổng Sư, Dương Quân Bằng, Vi Quân Đan. Muốn nêu cao giới cấm nên sư giảng Tứ Phần Luật, từ đó chúng Tăng làm thiện tránh ác nhiều vô kể. Vì tùy thuận hóa duyên, nên sư làm đường đầu giới đàn Cam lồ giáo hóa suốt hai mươi năm, gánh vác đại sự. Vì vậy cả thủy mười tám hội diễn kinh thuyết giới hóa độ chúng sinh, thiện nam tín nữ được sư giáo hóa đến mười lăm ngàn năm trăm bảy mươi hai người. Đến lúc thị hiện vô thường, nên ngày mười một năm Nguyên Hòa thứ mười, Sư thị tịch tại tinh xá Đông Lâm. Để chứng tỏ thị tịch có nơi gửi thân, nên thàng Bính Dần học chúng đưa nhục thân sư về phần mộ ở Nam cương. Sư thọ bảy mươi bảy tuổi, hạ lạp sáu mươi lăm. Từ sống đến chết sư thường tùy nghi giáo hóa, đi đứng nói nín đều hợp với Phật sự.

Phàm ban cho người hậu hĩ thì ân tình của họ đối với ta cũng sâu dày, vì vậy học chúng, muôn dân đều ơn sư thật không kể hết. Chẳng hạn, họ trồng tùng quanh mộ thành rừng, đẽo đá làm tháp, dưới tháp có bia, trong bia có bài minh ghi rằng:

*Sau Phật diệt độ  
Hương màu xông khắp  
Đề hồ chảy tràn  
Ai gửi được hương  
Ai nếm được vị  
Đại sư Cảnh Vân  
Đại sư một đời*

*Làm thân Tỳ-kheo  
 Trung hưng Tỳ Ni  
 Đại sư diệt độ  
 Chúng ngưỡng vọng ai  
 Pháp nương vào ai?  
 Xưa Cảnh Vân đến  
 Người học đạo theo  
 Người nhập thất về  
 Nay đại sư mất  
 Thượng đường thì nhớ  
 Người nhập thất buồn  
 Phía Tây núi Lô  
 Phía Nam Hồ Khê  
 Tháp đá sừng sững  
 Người ghi việc này  
 Dùng lời chân thật  
 Khắc trong bia tháp.*

**26. Thiên sư Nguyên Hạo Của Thiên Thai tông:** (Mậu Tuất)

Năm Nguyên Hòa thứ mười ba, Thiên sư Nguyên Hạo thị tịch. Sư là người hoàng dương giáo quán Thiên Thai. Hàn lâm Lương Túc có lần thỉnh sư soạn Niết-bàn Kinh Sở, Sư hứa khả. Đêm ấy sư thấy mộng lạ, vui vì điềm lành ứng hiện, Sư liền hạ bút tự thuật lại sở chứng. Đại loại rằng:

“Tôi nghe Tiên Giác nói: Đại bảo lan rộng rõ ràng mà chẳng đổi thay, đó gọi là thường tại. Gởi trên vải lụa, thư tịch, đó là Giáo. Những bậc xuất sĩ biết rồi giáo hóa lập tông, thị gọi là Hạnh. Giao cảm lòng người cùng tột thì gọi là Chứng. Thế nhưng phải lấy đạo hạnh nêu cao một đời, phải lấy pháp tánh dung hòa vạn số. Ngay lúc tiếp vật phải nêu bày được cái tối đồng với cái sáng, xiển dương giáo hóa, tự tha đều xán lạn, phải truyền bá Phật danh, nghiên tầm giáo pháp, một lòng hòa hợp. Bốn đức ấy đầy đủ, rõ ràng thì mới thật sống trong Diệu thể, thay đổi muôn nhà, quán khắp muôn hạnh. Người dựa trên kinh điển mà tu, góp công tích đức mà thành, thì mới thật lại dựa vào Bản tông, tin rồi mới trao khắp cho mọi người. Người thấu tỏ công cực, lấy diệu chỉ, diệu cơ làm nền tảng cho tương lai thì mới đích thật sống trong diệu dụng. Người thấu tóm muôn lý huyền, lập thành lời huấn thị, giáo hóa mười phương, ai nấy đều quy thuận mới thật sự là người sống trong diệu giáo”.

Có người bàn nên đem số của sư so với Vương Phụ Tự thì dễ nhưng đem so với Hoa Nghiêm Số của ngài Thanh Lương thì cần phải cân nhắc lại.

**27. Vua xuống chiếu nghênh đón xương Phật, Hàn Dũ dâng biểu bài xích Phật:**

Tháng giêng năm này vua hạ chiếu nghênh đón xương Phật từ chùa Phụng Tường, Pháp môn vào Kinh sư. Vua ngự ở An Phước môn nghênh bái, giữ lại trong thành nội ba ngày để lễ lạy, sau đó nghênh đến các chùa. Vương công, dân chúng đều tranh nhau theo lễ lạy. Dọc đường cho thiết đủ lễ nghi của Phật giáo, trỗi nhạc Thái Thường, Trường an, Vạn Niên để nghênh thỉnh. Hành bộ Thị lang Hàn Dũ dâng biểu tâu:

“Phật giáo là một trong pháp của Di Địch, lưu nhập vào Trung Quốc từ thời Hậu Hán chứ trước nữa chưa từng có. Xưa Hoàng đế ở ngôi một trăm năm, thọ đến một trăm hai mươi tuổi. Thiếu Hạo ở ngôi tám mươi năm, thọ một trăm tuổi. Hiên Viên ở ngôi bảy mươi chín năm, thọ chín mươi tám tuổi. Đến Khốc ở ngôi bảy mươi năm, thọ một trăm lẻ năm tuổi. Đế Nghiêu ở ngôi chín mươi tám năm, thọ một trăm mười tám tuổi. Đế Thuấn và vua Vũ cũng thọ đến một trăm tuổi. Hồi ấy thiên hạ thái bình, bá tánh an vui, sống lâu, như Trung Quốc không hề có Phật. Sau đó vua Thang thọ một trăm tuổi, cháu vua Thang là Thái Tuất ở ngôi bảy mươi lăm năm. Vũ Đinh ở ngôi năm mươi chín năm, sách sử không nói họ sống bao lâu. Nếu tính về tuổi thọ, chắc họ sống không dưới trăm tuổi. Chu Văn Vương thọ chín mươi bảy tuổi, Vũ Vương thọ chín mươi ba tuổi. Mục Vương trị vì trăm năm, hồi ấy Phật pháp cũng chưa truyền vào Trung Quốc, đâu phải do thờ Phật mà được như vậy.

Thời Hán Minh Đế mới có Phật pháp. Minh đế ở ngôi mới mười tám năm thì bị loạn mà chết, kế đó vận nước cũng không lâu bền. Từ Tống, Tề, Lương, Trần, Ngụy về sau thờ Phật càng hăng, vận nước càng giảm. Chỉ có Lương Vũ Đế trị vì được bốn mươi tám năm, cả thảy ba lần xuất gia thờ Phật. Việc tế tự tông miếu không dùng thịt cá, cả ngày chỉ ăn một bữa lại chỉ ăn với rau dưa, về sau bị Hậu Cảnh bức tử phải chết đói ở Đài thành, vận nước cũng bị diệt vong. Thờ Phật cầu phước đâu không thấy, trái lại càng gặp phải tai ương. Từ đó mà xét, đủ thấy Phật không đáng tin.

Cao Tổ khi mới nhận ngôi từ nhà Tùy liền bàn nên trừ khử Phật, giáo. Nhưng đương thời quần thần thấy biết cạn cợt nên không thể hiểu

sâu cái đạo của Tiên vương. Xưa nay, thường xiển dương những điều sáng suốt để cứu cái tẻ cho đời, nhưng việc này thì không tiến hành, thần rất hận trong lòng. Cúi mong Bệ hạ là bậc thánh minh hãy minh xét. Mấy ngàn năm lại đây chưa hề có luân thường nào tối tệ như thế.

Khi mới lên ngôi, bệ hạ không cho nhân dân cạo đầu làm Tăng Ni, không cho Đạo sĩ dựng tự quán riêng, lúc ấy thần nghĩ rằng, sở nguyện Cao tổ sẽ được bệ hạ thực hành. Nay nếu chưa làm thì bệ hạ hãy làm ngay đi. Lẽ đâu lại dung túng họ ngày càng đông nhiều thêm ư? Nay bệ hạ lại sai bọn Tăng ấy nghênh đón xương Phật từ Phụng Tường vào Đại nội, bản thân thì ngự trên lầu nhìn xem, lại sai các chùa thay nhau cúng dường. Thần tuy ngu muội nhưng biết chắc bệ hạ không bị mê hoặc bởi Phật giáo, làm những việc cầu phước tội như thế, mà đó chỉ là muốn nếm thịnh người vui, nên thuận theo lòng người từ kinh thành đến muôn dân mà bày trò vui tai vui mắt thế thôi. Lẽ đâu bậc minh quân sáng suốt lại chịu tin những việc nhảm nhí thế sao? Thế nhưng trăm họ ngu muội dễ bị mê hoặc mà không biết, nếu thấy bệ hạ làm như vậy, họ sẽ bảo đó là thật tâm tin Phật và họ sẽ nói rằng: Thiên tử là một bậc đại thánh mà còn một lòng tin theo, trăm họ chúng ta là phận hèn mọn lẽ đâu lại tiếc thân mạng với Phật pháp ư? Thế rồi dẫn đến có trăm người chắm đầu đốt tay, cúng áo vải tiền từ sáng đến tối. Cứ theo đà này sợ rằng về sau già trẻ cứ bôn ba mà bỏ cả công ăn việc làm. Nếu không ngăn cấm ngay, để đến lúc các chùa khác tất sẽ có người chặt tay, bầm thân để cúng dường, làm thương phong bại tục, bốn phương sẽ chê cười, ấy đâu phải việc nhỏ.

Phật vốn là người Di Địch không thông ngôn ngữ Trung Quốc, y phục lại chẳng giống. Miệng không nói phép tắc của tiên vương, thân không mặc pháp phục của tiên vương, chẳng biết lễ nghĩa vua tôi, chẳng biết thâm tình cha con, giả sử ông ấy còn sống, phụng chiếu đi sứ nước ta, thì bệ hạ cứ bình thản mà tiếp, nhưng chỉ nêu một việc chánh sự, bày một tiệc chủ khách, ban cho ông ấy một thị vệ rồi đuổi ra khỏi nước, chớ để ông ta mê hoặc mọi người. Huống gì ông ấy đã chết lâu rồi, miếng xương khô mục ấy chẳng qua thứ thối tha còn sót lại, sao lại đưa vào cung cấm?

Khổng Tử nói: Kính quý thần mà xa lánh họ.

Ngày xưa, chư hầu đến điếu tang nước đó, đều sai bọn đồng cốt dùng nước thơm tẩy uest trước, sau đó mới vào viếng. Nay vô cơ nhặt lấy vật dơ uest ấy, rồi bệ hạ còn đích thân đến xem, mà trước tiên không sai bọn đồng cốt dùng nước thơm tẩy uest. Quần thần không nói cái sai,



Ngự sử không nêu cái lỗi, thần thấy thật xấu hổ. Xin bệ hạ vứt xương ấy xuống sông hoặc vất trong lò lửa để tuyệt trừ gốc rễ, chặt đứt mối nghi của thiên hạ, chấm dứt sự mê hoặc cho đời sau, khiến người trong thiên hạ biết được việc làm của bậc đại thánh siêu việt những chuyện tầm thường nhảm nhí. Nếu Phật có linh hay ban phước giáng họa thì cứ đổ hết mọi tai ương, tội lỗi lên đầu thần đi. Mong Thánh thượng minh xét, thần khong hề oán hận”.

Tờ biểu tới tay vua, xem xong vua nổi giận cầm tờ biểu đưa cho Tể tướng, định Dũ tội chết. Bọn Bùi Độ Thôi xin thay:

- Dũ nói năng ngỗ ngược, tội đáng muôn chết, nhưng nếu trong lòng không tận trung thì đâu thể can ngăn đến thế, xin bệ hạ khoan dung, để sau này có người đến kiện tụng, can gián.

Vua nói:

- Hàn Dũ nói ta thờ Phật thái quá, còn có thể dung tha. Còn như bảo rằng, từ Đông Hán phụng Phật về sau thiên tử đều chết sớm, chẳng phải trừ ẻo, chân chọc ta đó sao? Hàn Dũ là hạng bề tôi mà dám ngông cuồng, quên thân phận của mình đến thế ư?

Bấy giờ Vương tôn, cự thần đều khẩn thiết xin cho Hàn Dũ. Vua bèn đuổi Hàn Dũ ra làm Thứ sử Triều châu.

### ***28. Thứ sử Triều châu là Hàn Dũ gặp và biện luận với Thiên sư Đại Diên:***

Năm Nguyên Hòa thứ mười bốn, Thứ sử Triều châu là Hàn Dũ vừa đến nhậm chức liền dâng biểu tạ ơn vua, xin vua phong cho mình vùng Thái sơn ở phía Đông, nhưng chờ hoài vẫn không thấy vua trả lời. Một lần Dũ đến cúng thần ở vùng biển này, lên Linh sơn gặp Thiên sư Đại Diên. Đại Diên hỏi Dũ:

- Ta nghe nói, ông đến làm quan phía Nam này là do thẳng thắn can gián vua, nay thấy vẻ mặt của ông u uất, dường như có điều không vui là sao vậy?

Dũ đáp:

- Dũ này được trọng dụng ở triều, hưởng lộc vua rất hậu, chỉ vì lời nói tận trung không được vua dùng nên phải mất chức Hình bộ thị lang, bị đày đến vùng biển xa xôi đến tám ngàn dặm thế này. Lúc trèo núi vượt biển, vợ con đều chết cả, đến được Triều Dương, sóng gió hải hùng, cá kình uy hiếp, họa hoạn khôn lường, sương gió khí độc ngày đêm vây bức. Từ nhỏ Dũ vốn nhiều bệnh, tóc bạc răng rụng, nay lại lo phía trước là đất không người, không biết sinh sống ra sao. Lúc tôi mới



đến, dọc đường có ghé miếu Quảng Lăng cầu đảo, may ra được chết cho hết lo. Đối với chúa thượng, Dũ này có công trung hưng, tôi cũng đã tấu về việc đó, mong được thần minh mách bảo chúa thượng đi tuần Thái sơn để tôi có dịp báo ân Hàng thiên. Nếu được vậy thì mới mong chúa thượng sai tôi làm thi ca thuật lại công lao, rồi cúng tế tôi ở miếu nơi biển ả này. Dũ tôi sớm tối đợi tin nhưng chờ hoài chẳng thấy, trong lòng nôn nao muốn quay về ngay, thử hỏi tôi làm sao vui được.

Đại Điền nói:

- Ông thẳng thắn can gián trong triều là trung với vua mà quên mình hay là vì bản thân nói bừa để bại hoại thanh danh? Nếu trung với vua mà quên mình thì những lời lẽ ấy vua dùng thì vinh hoa, nếu không lọt tai vua tất bị đày, được chức vị thế này mà ông còn không vừa lòng sao? Còn như bản thân mình nói càn, nếu vua dùng thì ông được tiếng là tận trung, ngay thẳng, hưởng vinh hoa; nếu vua không nghe tất bị đui. Đó cũng là việc tất nhiên. Nếu trung mà bị đui chẳng nói làm gì. Vả lại tôi nghe nói: Bề tôi không chọn đất để yên thân, không làm việc vì trọng thế lực, nay ông bị đui mà không vui, xu thời để tìm tiếng khen, lẽ đâu chẳng phải là bề tôi tốt? Hơn nữa việc sống chết họa phước của ông chẳng phải là treo trên trời xanh đó ư? Ông hãy tự sửa mình bên trong, bên ngoài phải tuân lệnh vua đi. Miếu ở Quảng Lăng có thể ban phước cho ông chăng? Nay chúa thượng là người kế mệnh trời, đâu rảnh để phạt tội bọn gian thần ăn bám đất nước, đút lót ào ào, giết người đầy đồng, chỉ có thể gắng chịu vì ung nhọt chưa bể ra. Ngay lúc này mà ông lại muốn phong tước báo công để chấn động thiên hạ, cái chính là muốn quay về, lẽ đâu không nhẫn chịu được ư? Hơn nữa, đến đường cùng, lòng rối bời lại cúng tế quỷ thần, đó là không biết số mệnh, muốn lấy lừng thiên hạ, chưa kịp nhìn lại thì việc đã rồi, là không biết Nhân. Nói càn để làm kẻ ngu trung, kết quả phải mất chức, khốn đốn là không biết Nghĩa. Dùng cái loạn để trị nước rồi dám báo với hoàng thiên là không biết Lễ. Thế ông đã làm gì đến nỗi bị phế truất, việc ấy thế nào ông nói lại xem.

Dũ nó:

- Chúa thượng đón xương Phật từ Phụng Tường vào đại nội, Dũ này cho rằng Phật chỉ là một trong những giáo pháp của Di Địch, mới lưu nhập Trung Quốc từ thời Hậu Hán, chứ trước đó chưa từng có. Ngày xưa thời Hoàng đế Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Vũ thiên hạ không có Phật, nhờ vậy mà ngôi vua, tuổi thọ của họ lâu dài. Thời Tấn, Tống, Lương, Ngụy dốc lòng thờ Phật nhưng đời nào cũng ngắn ngủi mà lại

loạn. Dũ này sợ chúa thượng bị mê hoặc bởi Phật nên chẳng tiếc thân ra sức bài xích.

Đại Điền nói:

- Nếu vậy thì ông hồ đồ quá rồi. Phật là Đại Thánh làm chủ cả trời người. Cái đạo ấy thấu tỏ muôn vật mà lập ngôn, ngôn giáo của đạo Phật xuyên suốt đến lý thâm sâu của tính mệnh. Giáo pháp ấy khuyên người bỏ ác làm lành, bỏ ngụy về chân, gần gũi với thiên hạ như cha đối với con. Ấy vậy mà ông hủy báng thì chẳng khác nào con cầm dao giết cha.

Ta từng nghe: Người khéo nhìn người khác phải xem cái đạo của họ còn hay mất, chứ không phải so sánh nơi họ sống. Vua như Kiệt, Trụ, bề tôi như Chích, Cước đều là người Trung Quốc nhưng không thể làm theo vì họ vô đạo. Thuấn sinh ở Đông di, Văn Vương sinh ở Tây di, Do Dư sinh ở đất Nhung, Quý Trát sinh ở đất Man, hai thánh quân, hai hiền thần ấy lẽ đâu ông cũng cho rằng họ Di Địch, không bắt chước theo chẳng? Nay ông không xem đạo của Phật mà chỉ cho là Di Địch, không phải hồ đồ thì là gì? Ông cho rằng thời thượng cổ chưa có Phật mà không bắt chước theo chẳng? Vậy thì Khổng Tử, Mạnh Kha sinh vào thời Suy Chu; Xi Vưu, Cổ Tẩu sinh trong thời thượng cổ, lẽ đâu ông bỏ hiền thánh thời suy Châu mà học theo cái hung tàn của thời thượng cổ? Ông cho rằng thời Ngũ đế, Tam vương chưa có Phật nên trường thọ, vậy thì Ngoại Bính ở ngôi hai năm, Trọng Nhâm trị vì bốn năm, không phải chết yếu thì là cái gì? Ông cho rằng từ Hán đến Trần, nhân chủ đều chết yếu và loạn lạc, vậy thì Hán Minh đế là anh chủ một thời, Lương Vũ đế thọ đến tám mươi sáu tuổi lẽ đâu đó cũng là chết yếu và loạn lạc chẳng?

Dũ phất tay áo giận dữ nói:

- Người mà ông gọi là Phật ấy, miệng chẳng phép tắc của tiên vương, mà lại hô hào bậy bạ những thuyết luân hồi sống chết. Thân không có nhân, nghĩa, trung, tín mà đối trá tạo ra những việc phước họa báo ứng, không có cái nghĩa vua tôi, không có tình cha con. Sử đồ chúng của mình không cày mà có cơm ăn, không dệt mà có áo mặc, lại còn hủy hoại của đạo tiên vương, Dũ này sao có thể làm thịnh mà không phản bác được?

Đại Điền nói:

- Quá lắm rồi! Ông chẳng hiểu tí gì cả. Có người trọn ngày đếm tới mười mà chẳng biết hai nhân năm bằng mấy, người ta tất cho anh ta là gã điên. Ông trọn ngày nói đến nhân, nghĩa, trung, tín nhưng lại

chẳng biết Phật nói thường, lạc, ngã, tịnh có nghĩa là gì. Thật ra ông đâu khác gã điên kia, chỉ khác là không đếm tới mười, nhưng lại chẳng biết hai nhân năm bằng mấy. Ông kể rằng từng đọc thuộc sách Phật, vậy điều mà ông nghi ngờ có khác gì phép tắc của tiên vương chẳng? Ông nói ra thử xem!

Dũ đáp:

- Tôi đâu rảnh để đọc sách Phật.

Đại Điên nói:

- Ông chưa từng đọc sách Phật làm sao biết sách ấy không nói đến phép tắc của tiên vương. E rằng ông có lần đọc sách của Khổng Tử rồi nghi sách Phật sai lầm phải không? Giả sử có người cho rằng sai ông cũng bảo rằng sai chẳng? Nếu ông chỉ đọc sách của Khổng Tử rồi nghi sách Phật nhầm nhí thì đó chẳng khác chuyện “Con chó của vua Thuấn”. Nghe người ta nói sai mình cũng cho là sai, thì đó chẳng khác câu chuyện “Hai mẹ con”.

“Xưa kia vua Thuấn nuôi một con chó, hằng ngày nó chỉ thấy một mình vua Thuấn. Ngày nọ thấy vua Nghiêu đi ngang, nó sủa ầm ĩ. Không phải nó mến vua Thuấn ghét vua Nghiêu, mà tại vì lâu nay nó chỉ thấy một mình vua Thuấn, chứ chưa từng thấy vua Nghiêu bao giờ. Ông nay thường học sách Khổng Tử mà chưa từng đọc sách Phật, nên cho sách Phật là quái gở”. Đó là câu chuyện về con chó của vua Thuấn.

Ta nghe nói: “Có người con gái đi lấy chồng, người mẹ tiễn con đi và dặn dò: Về bên nhà người ta rồi phải cung kính giữ mình, chớ trái ý chồng.”

Như vậy việc phục tùng theo người khác như cô gái kia tạm chấp nhận, còn như nghe người khác nói sai mà chẳng tự suy xét vì sao nó sai thì đâu thể chấp nhận.

Chuyện luân hồi sinh tử đâu phải đặt bừa ra. Việc ấy là vận số của trời đất, là diệu lý của u huyền, cứ nhìn vật mà xem, tất cả những gì có hình tướng trong khoảng trời đất đâu từng không sống chết tuần hoàn, đắp đổi qua lại đó ư? Gốc rễ cỏ cây bám sâu trong đất, nhờ ánh sáng mặt trời mà sống, rồi trở cành, sinh lá, đơm hoa, kết quả. Nếu không có không khí thì cây héo úa và khô. Đến khi mặt trời chiếu lại thì tươi tỉnh trở lại. Tánh thức là gốc rễ, cành lá hoa quả là cơ thể con người. Vậy con người luân hồi qua lại có gì lạ đâu.

Khổng Tử nói: “Có đầu tất có cuối”. Nên biết thuyết về sinh tử thì chết có tái sinh lên cõi khác, hướng gì con người lại không chết không

tái sinh sao?

Trang Chu nói: “Muôn vật ra đời từ chân tánh trở về lại chân tánh”.

Giả nghị nói: “Hóa thành loài khác rồi, còn lo gì nữa”.

Đó là những thuyết về luân hồi, chẳng đợi Phật nói rõ, sao ông dám cho Phật là đặt bừa? Ông cho rằng họa phước báo ứng là do Phật ngụy tạo, điều đó càng chứng tỏ ông hoàn toàn sai lầm. Hễ tánh thiện hay ác thì cứ theo đó mà lãnh lấy báo ứng.

Kinh Dịch nói: “Kẻ tích thiện tất thừa an vui, người tích ác tất dư tai họa”. Lại nói: “Quỷ thần sát hại nhiều nên phước mỏng”.

Tăng Tử nói: “Cẩn thận! Cẩn thận! Đưa ra cái gì thì nhận về cái ấy.”

Đó đều là thuyết báo ứng. Chỉ có Phật là người ngẫm xót xa những họa phước của thiên hạ. Vì vậy nêu rõ cho mọi người thấy mà so sánh. Đó là những điều có thật, khiến mọi người không tự chôn mình trong tội lỗi, lẽ đâu lại là ngụy tạo?

Ông nói: “Phật không có cái nghĩa vua tôi, không có tình cha con”, đó là điều ông không thể hiểu được. Mọi việc đều có việc ở bên ngoài, việc nằm bên trong. Việc bên trong thì mọi người phải tự giữ lấy. Việc bên ngoài nếu không phải những bậc sáng suốt trong thiên hạ thì không thể hiểu được. Bởi vậy những điều Thánh nhân nói ra, có những điều cùng với mọi người giữ lấy, có những điều cùng với những bậc sáng suốt trong thiên hạ giữ lấy. Phật nói ra cho cả hai hạng cùng nghe.

Khổng Tử nói đạo thì cho rằng: “Hễ cùng cực được rồi thì vô tư, vô vi, vắng lặng, chẳng động thì liền tự thông suốt”.

Đó là điều không phải mọi người cùng có. Mọi người mà không suy nghĩ không tạo tác thì e rằng thiên hạ này sẽ chấm dứt. Đó là điều không thể xét kỹ. Phật nói về bốn phận làm con tất dựa trên hiếu kính, nói bốn phận làm tôi tất dựa trên tận trung, đó là những điều mọi người cùng có. Ngoài ra có những điều Phật nói đến có khi chỉ nhằm thẳng vào vô tâm nhưng chẳng phải chỉ có vô tâm. Có khi nhằm thẳng vào vô ngã nhưng chẳng phải chỉ có vô ngã, mà ngược lại nhằm thẳng vào vô sinh. Vô sinh thì thứ tự của âm dương không loạn, vận số trời đất không đổi. Như vậy nghĩa vua tôi, tình cha con đều có cả. Đó lẽ đâu là điều mà những kẻ hiểu biết nông cạn bàn được ư?

Ông nghi ngờ cho rằng đồ chúng của Phật không cày mà có cơm ăn, không dệt mà có vải mặc, thế còn Nho gia cũng không cày không dệt là sao vậy?

Dũ đáp:

- Đạo của Nho gia nhờ vua dùng mà giàu có tôn vinh, con cháu họ noi theo thì hiếu thuận trung tín, do đó không cần dệt mà vẫn có áo ấm cơm no.

Đại Diện nói:

- Vậy thì đồ chúng của Phật cũng có ích với mọi người vậy. Nay ông chỉ thấy cuối đời chưa có ai ăn bám người khác như Phật, nhưng lại không thấy rằng hiện nay cũng có người ăn bám người khác như Khổng Mạnh. Nay ta nói với ông về Phật lý, đó là những điều vô hình vô thể, vốn đã hay nay càng hay hơn. Cứ đem so với Tắc Thiên thì biết. Có người trọn ngày khen bà ấy nhưng bà ấy chẳng đề cao họ, trọn ngày chê bà ấy mà bà ấy chẳng hạ thấp họ. Như vậy thì khen hay chê đều sai cả. Từ đời Hán đến nay, trải qua ngàn ấy năm, mọi vật trong thiên hạ biến đổi khôn lường, vua tôi muôn dân nhiều không kể xiết, không phải bài xích trời đất, thần minh mà thuyết nhà Phật mới có mặt trong thiên hạ. Điều gì không dám luận bàn thì bỏ quách đi tức là muốn che trời đất mà không thấy xấu hổ, muốn so mình với trăm thánh mà không biết hổ thẹn. Diệu lý tồn tại trong những đời đó, về sau mới có được ở đây, sao ông không chịu nghĩ cho sâu nhỉ!

Dũ nói: Không phải tôi lập dị rồi bài xích Phật, mà tôi cho rằng: Đạo là cái gì? Là bác ái thì gọi là Nhân, việc làm có quy tắc thì gọi là nghĩa, từ đó mà học mà hành mới gọi là Đạo. Thấy đủ với bản thân không trông chờ cái bên ngoài thì gọi là Đức. Nhân và Nghĩa là thật danh, Đạo và Đức là hư vị, điều đó không giống đạo của Khổng Tử.

Đại Diện nói: Ông không biết Phật lại không biết Khổng Tử rồi! Giả sử ông biết được Khổng Tử thì ông sẽ thấy rõ Phật. Ông cho rằng Nhân và Nghĩa là thật danh, Đạo và Đức là hư vị, nhưng đó đều là những thứ Khổng Tử đã vất bỏ đi rồi!

Dũ hỏi: Sao bảo là bỏ?

Đại Diện nói: Khổng Tử đâu không nói: Đặt chí trong Đạo, nương vào Đức, dựa vào Nhân, tỏ mình bằng tài năng. Bởi vì Đạo là cái đứng đầu trong muôn hạnh, Nhân đâu đủ để gọi đó là Đạo! Chu Công nói có đến sáu đức, đó là: Tri, Nhân, Tín, Nghĩa, Trung, Hòa, bởi vì đức là nền tảng của nhân nghĩa, mà nhân nghĩa chỉ là một phần của đức mà thôi. Lẽ đâu ông cho rằng đạo đức là hư vị ư? Tử Cống cho rằng, cứu giúp, ban bố cho mọi người là Nhân. Khổng Tử thất sắc nói: “Sao chuộng Nhân? Hẳn là Thánh chẳng? Nhân đâu đủ để gọi là Thánh?” Ai biết Khổng Tử muốn nói đến cái gì!

Nay ta dạy cho ông học vậy. điều trước tiên ông phải tìm xem đạo ấy có xa không, đạo mà đã xa thì chí của ta không thể lường biết được. Nếu gần thì phàm người tài giỏi hơn ta, thì ta phải học theo họ. So với ta người đó giỏi thật nhưng ta lại thấy họ dốt hơn ta, thì chính ta có những điều chưa hiểu biết. Bởi vậy phải suy xét kỹ tài năng của họ rồi cố sức mà cầu học. Được vậy may ra ta mới tiến bộ. Còn như ông, nay ỷ mình thông cái học của bốn biển, muôn phương, cảm thấy văn chương mình bằng bạc, nhưng có bằng La-thập đời Diêu Tần không? Ông cho mình là người có hành tung khéo léo, nhưng có bằng Phật-đồ-trường đời Tấn không? Ông cho mình muôn vật chẳng làm động tâm, nhưng có bằng Bảo Chí đời Lương không?

Dũ im lặng giây lâu rồi đáp: Không bằng.

Đại Diên nói: Tài của ông đã không bằng họ, mà những điều họ làm theo Phật ông cho là sai trái, như vậy thì có kẻ tài cao nào mà lại không biết những gì ông biết chẳng? Nay ông ôm cái thấy biết nhỏ nhoi bên trong, chạy theo thanh sắc, ham muốn lợi lộc, nếu không được vừa ý thì nổi giận, buồn khổ, uất ức. Nếu không chú trọng đến đời sống tâm linh thì có khác gì lũ ruồi nhặng tranh miếng mỡ ở nơi ô uế đâu!

Lúc bấy giờ Dũ trở mắt mà nhìn, hăng khí cũng đâu mất, như cầu lời giải đáp. Dũ mịt mờ như thấy đánh mất một cái gì đó. Cứ thế thật lâu mới hỏi Đại Diên rằng: Nói đến đây thôi ư?

Đại Diên đáp: Ta sợ dĩ nói với ông như vậy là vì đứng về khả năng của ông mà nói, chứ chưa phải là những lời thâm thúy đâu!

Dũ nói: Tôi là kẻ chẳng ra gì, muốn được may mắn nghe những lời ấy được chẳng?

Đại Diên nói: Dứt lòng ham muốn của ông, mở tâm thành của ông, an định thân của ông, thấu tận tánh của ông, tận cùng lý của vật, thấu tận mệnh của trời, sau đó mới nghe được. Ông đi đi ta không nói với ông nữa.

Thế rồi Dũ đi. Tháng 8, mùa Thu vua cùng tể tướng đang bàn chuyện, bọn Thôi thấy oi bức, đưa mắt làm hiệu muốn cùng rút lui. Thấy vậy, vua nói: Mấy ngày rồi mới gặp các khanh, thời tiết tuy nóng thật nhưng trẫm vẫn không thấy mệt. Lát sau, nhân hỏi đến Hàn Dũ có gì đáng thương không, thì Hoàng Phủ Bác, Tố Bạc liền tâu cho Dũ rằng: “Dũ có hơi ngông cuồng nhưng chắc đã hối cải”. Vua chấp nhận, bèn giao Dũ chức Thứ sử Viên châu.

Dũ dựng am cho Đại Diên, cúng sư hai tấm áo đồng thời từ biệt rằng: Dũ này sắp xa thầy, may mắn nghe được một lời, đến chết không

dám quên.

Đại Điền nói: Ta nghe người dễ tin người khác thì họ cũng dễ thay đổi, người dễ khen người khác tất cũng dễ phỉ báng họ. Ông nghe ta nói rồi dễ tin như vậy, biết đâu nghe điều dị đoan khác rồi trở lại phỉ báng ta cũng nên.

Rồi Đại Điền không nói nữa. Dữ biết chẳng thể nghe được gì, bèn đi.

Đến Viên châu, Thượng thư Mạnh Giản biết Dữ có gặp Đại Điền nên gửi thư chúc mừng Dữ bỏ được sự mê tín. Dữ gửi thư phúc đáp: “Đại Điền là người rất thông minh, am tường đạo lý, thật là lý vượt cả hình hài, chẳng bị mọi vật nào loạn. Nhân đó tôi có qua lại với ông ấy.”

Gần đây Hoàng Sơn Bác nói rằng: “Sau khi gặp Đại Điền, văn chương của Hàn Dũ càng hay về lý, mà những lời phỉ báng Phật phần nào cũng giảm bớt.”

**Luận rằng:** Cựu Sử ghi “Thoái Chi tánh tình ngang ngược, đương thời quan lại đều coi thường ông ấy. Đến khi Lý Thân cũng vậy, Thân thấy thẹn vì ở dưới bọn họ, nên nhiều lần dâng sớ kiện Thoái Chi. Nay Tân Sử lại đem cái công bài xích Phật, Lão của Thoái Chi so sánh với Mạnh Tử. Trong năm Gia Hựu có Long tiên sinh người Tây Thục căm phẫn vì những lời ấy thái quá bèn chỉ trích ngôn hạnh của Thoái Chi ngang ngược với đạo gia, lập thành điều chương công kích ông ta. Một là, không thể hủy nhục Lão thị; hai là, Hàn Dũ đọc sách Mặc Tử rồi phản Mạnh, chê Khổng. Phần chỉ trích ấy gồm hai mươi thiên, lưu hành ở đời. Đến khi xem được Ngoại truyện, gặp được Đại Điền, thì dù Thoái Chi bình sinh cũng sai lầm ngụy luận như vậy nhưng ông ấy hồi tâm lâu rồi. Âu Dương Văn Trung Công có lần than: “Dù Thoái Chi sống lại cũng không thể tự giải nổi oan này!” Đó không phải là lời thâm thúy của thiên hạ sao? Kinh quốc Vương Văn Công cũng có nói: “Con người ta có người thích Mạnh Tử, chống lại Mặc Tử rồi lấy việc bài xích Phật, Lão làm công lao cho mình. Than ôi! Trang Tử!” Trang Tử bảo đó là trùng mùa hạ, lấy ý chỉ những người đó chẳng!

Đạo là năm, Thánh nhân là mùa. Giữ lấy một mùa rồi nghi ngờ cả một năm thì chẳng bao giờ nghe được đạo. Mùa xuân khởi nguyên từ mùa đông mà cũng kết thúc trong mùa đông. Kết thúc tất cả đạo thuật trong thiên hạ, là họ thích chẳng? Nếu không được như vậy thì đều gọi là trùng mùa hạ thôi!

Văn Công là danh nho của Tống triều, ông ấy luận về Thoái Chi như vậy, thì những gì Ngoại truyện nói, có thể không tin chẳng?



**29. thiên sư đại diện ở triều dương:**

Sư què quán ở Triều dương, tham học với Hòa thượng Thạch Đầu.

Một hôm Thạch Đầu hỏi sư:

- Thế nào là Thiên?

Sư đáp: Nhượng mày chớp mắt!

- Trừ nhượng mày chớp mắt đó ra, đem bản lai diện mục của ông trình ra ta xem!

- Xin Hòa thượng trừ nhượng mày chớp mắt đó ra mà xem con.

- Ta trừ rồi.

- Con trình Hòa thượng rồi!

- Ông đã đem trình, tâm ta thế nào?

- Chẳng khác Hòa thượng.

- Đầu liên can đến việc của ông.

- Vốn không vật.

- Ông cũng không không vật.

- Không vật tức là vật chân thật.

- Vật chân thật đâu nắm bắt được. Tâm ông hiện lượng như vậy, phải khéo mà giữ gìn.

Sau đó sư về lại Linh sơn. Có lần dạy chúng: “Phàm người học đạo phải biết bản tâm nhà mình. Phần đông nhóm người hiện nay chỉ nhận nhượng mày chớp mắt, vừa nói, vừa nín tung ra liền cầm chắc rồi cho đó là tâm yếu, đây đích thật chưa liễu ngộ. Nay ta sẽ nói rõ cho các ông thấy, mỗi người phải lắng nghe, lãnh thọ: “Chỉ trừ bỏ tất cả vọng tưởng, động niệm, suy lường, tức chơn tâm của các ông. Tâm này hoàn toàn không dính dấp gì đến trần cảnh cũng như giữ được tĩnh lặng. Ngay tâm là Phật, chẳng đợi phải tu trì. Vì sao? Ứng cơ tùy chiếu, lặng lẽ tự dùng. Tột cùng chỗ dụng ấy trọn không nắm bắt được. Bảo đó là diệu dụng, cũng chính là bản tâm, cần phải giữ gìn chớ có xem thường.”

Thị lang Hàn Dũ có lần hỏi Sư: Thế nào là Đạo?

Sư im lặng giây lâu. Lúc ấy Tam Bình làm thị giả, Bình gõ vào giường Thiền. Sư hỏi: - Làm gì thế?

Bình thưa: Trước dùng định mà lay, sau đó dùng trí mà nhổ.

Hàn Dũ lui ra vui mừng nói: Dũ hỏi đạo với thầy, lại nhờ thị giả mà có chỗ vào.

Thế rồi Dũ cáo từ mà đi.

**30. Thứ sử liễu châu: (liễu tử hậu):**

Ngày mừng năm tháng mười năm này, Thứ sử Liễu Tông Nguyên



mất. Tông Nguyên tự là Tử Hậu, người Hà Đông. Từ nhỏ ông đã thông minh, thông hiểu sử sách, văn chương lại tuyệt bút, sắc sảo, đương thời văn nhân đều khâm phục. Là người bác học, văn hay, ông nhiều lần làm trong viện Giám sát ngự sử, kết thân với Vương Thúc Văn. Thúc Văn bị tội, đày ra làm Tư mã Vĩnh châu. Sau đó ông sống cuộc đời an nhàn tự khắc khổ, chuyên viết lách và xem từ chương. Sở học của ông ngày càng sâu sắc, tinh thâm, uyên bác vô bờ, nhưng vẫn đặt chí với phong cảnh núi sông, cứ thế đến mười năm. Sau ông được làm Thứ sử Liễu châu. Bạn ông là Lưu Vũ Tích ra làm Thứ sử Bá châu. Tông Nguyên nói: Bá châu không phải là nơi con người ở, mà Vũ Tích lại còn cha mẹ già ta không nỡ để ông ấy đi vào đất chết. Rồi ông dâng biểu muốn nhường Liễu châu cho Vũ Tích còn mình đến Bá châu. Gặp lúc đại thần cũng xin vua về việc của Vũ Tích, nhân đó vua đổi Tích ra Liễu châu.

Người ở Liễu châu dùng nam nữ để đổi tiền, đổi vật dụng, nếu quá hạn mà không đổi được thì bọn họ bị làm nô tỳ. Tông Nguyên dùng kế đổi hết bọn họ rồi cho về. Danh sĩ ở phương Nam có người lợi qua cả ngàn dặm để giao du với Tông Nguyên. Họ trao đổi, giao du bằng văn từ rất thanh cao, đúng nghĩa. Người đời gọi Tông Nguyên là Liễu Liễu Châu. Ông mất năm bốn mươi bảy tuổi. Trước lúc mất, ông gửi thư cho khắp bạn bè ủy thác hậu sự. Người ta gom tập những tác phẩm của ông cả thảy gồm ba mươi ba quyển. Hàn Dũ có lần bàn về ông rằng: “Uyên thâm nho nhã chẳng khác Tư mã Tử Trường, Thôi Sái sánh không kịp ông ấy.”

Sau khi ông mất, người Liễu châu thương nhớ ông. Thần thức ông giáng mộng ở hậu đường, nhân đó người ta lập miếu ông ở La trì, mãi đến ngày nay vẫn còn cúng tế.

- Năm Canh Tý: Tháng Giêng vua uống kim đan nên tánh tình thường nóng nảy, sâu muộn. Bọn quan hầu trong cung thì sợ bị giết, thâm cung thì sâu thẳm, kín bưng, thế nên có những họa hoạn khôn lường. Trong Tư Trị Thông Giám ghi: “Hiến Tông thông minh quả quyết, có được thiên tánh, biết nghe lời những trung thần, hiền thần, biết dung nạp những người mưu lược. Có bao kẻ dùng tiền tài bịt kín muôn việc mà vua chẳng nghi ngờ, đạo tặc đầy khắp kinh ấp, giết hại người Nguyên Nhung, nhưng vua chẳng lo sợ. Cuối cùng ông lấy được vùng Linh hạ và phía Nam Thanh kiếm; giết Triết Tây, bắt sống Trạch Lộ, bình định Hoài Nam, khôi phục Tề Lỗ. Hồi ấy bọn đạo tặc đã thâm căn cố đế trong thiên hạ đều phải khiếp sợ, run rẩy nộp của, giao đất cúi đầu thần phục. Nỗi lo cả trăm năm được giải tỏa trong một sớm. Nhưng

ông giải đãi trong việc phòng những nhỏ nhặt, quá chú trọng đến bản thân, thương thay!

### **31. Pháp sư Thần Thanh ở Bắc Sơn:**

Năm này có Hòa thượng Bắc Sơn húy là Thần Thanh, tự là Linh Tẩu, đến vương triều đàng đạo nổi tiếng. Ngài trước thuật Pháp Hoa Huyền Tiên mười quyển, Thích Thị Niên Chí ba mươi quyển, Luật Số Yếu Quyết và Câu-xá Quyết... cả thảy hơn trăm quyển. Ngũ Lục mười quyển. Nội dung sách ấy đều bao quát nội điển ngoại thư, đáng làm khuôn phép cho đời. Ngài tu học ở chùa Khai Nguyên, Miên châu, mất ở chùa Tuệ Nghĩa, Tử châu.

### **32. Mục Tông: (tân sử):**

Mục Tông tên là Hằng, con thứ ba của Hiến Tông, vốn nhân hậu hiền từ. Ông trị vì bốn năm, thọ ba mươi tuổi, an táng ở Quang lăng. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Trường Khánh.

- Nhâm Dần: Mùa xuân có tuyết rơi, công chúa Thái Hòa bị giáng làm Kim nhân, gả cho Hồi Cốt.

### **33. Thiên Sư Điều Khòa:**

Năm này Trung thư xá nhân Bạch Cư Dị được đổi ra làm Thứ sử Hàng châu. Dị nghe Thiên sư Điều Khòa là bậc đạo đức, nên đến yết kiến. Hồi ấy Điều Khòa kéo tán tùng rộng lớn xuống rồi leo lên ở trên đó. Cư Dị thấy vậy hỏi:

- Sao Thiên sư lại ở nơi nguy hiểm thế?

Sư đáp:

- Chỗ ngồi của Thái thú nguy hiểm hơn tôi nhiều!

- Chỗ ngồi của đệ tử trấn cả sông núi, làm sao có nguy hiểm?

- Củi lửa xấp lại, sóng thức không dừng, chẳng phải nguy hiểm sao?

Bạch Cư Dị hỏi tiếp:

- Thế nào là đại ý Phật pháp?

- Chớ làm các việc ác, siêng làm mọi việc lành.

- Việc đó đưa trẻ lên ba cũng hiểu, nói làm gì!

- Đưa trẻ lên ba nói được, nhưng ông già tám mươi chưa chắc làm được!

Bạch Cư Dị khâm phục, ngợi khen rồi đi. Từ đó về sau ông thường lui tới hỏi đạo với Thiên sư.

**34. vua hạ chiếu thỉnh thiên sư vô nghiệp vào cung nhưng sư không đi:**

Năm này Mục Tông sai Tả vệ Tăng Lục Linh Phụ sắm sửa lễ vật đem chiếu đến Phần dương thỉnh Thiên sư Vô Nghiệp vào cung. Linh Phụ đến, tuyên chiếu xong, dập đầu dưới chân Thiên sư thưa rằng:

- Lần này ân chỉ của chúa thượng không như những lần trước, mong thầy đi cho, đừng mượn cớ chối từ nữa.

Sư cười nói: Bần đạo có đức gì dám phiền đến Nhân chủ, ông về trước đi, ta sẽ theo sau.

Nói xong sư tắm rửa sạch sẽ, đến nửa đêm bảo với môn nhân như Tuệ Âm... rằng: “Tánh thấy nghe hiểu biết của các ông trường thọ như hư không, chẳng sinh chẳng diệt. Tất cả cảnh giới vốn tự rỗng lặng, không một pháp nào thật có. kẻ mê không hiểu nên bị cảnh dối hoặc, một khi bị cảnh dối hoặc thì lưu chuyển không cùng. Các ông phải biết tâm tánh vốn tự có sẵn, không phải do tạo tác, giống như kim cương, không vật gì phá hoại nó được. Tất cả các pháp như bóng, như tiếng vang, không hề có thật. Thế nên kinh nói: “Chỉ có một việc thật, nếu hai chẳng phải chân, thường biết tất cả không, không một vật hợp tình.” Đó là nơi dụng tâm của chư Phật, các ông gắng mà thực hành.”

Nói xong sư ngồi kiết già thị tịch. Phụ về bẩm báo lại mọi việc, vua vô cùng kính phục, tán thán sư.

Có vị Tăng hỏi: Mười hai phần giáo lan truyền sang nơi này, những người đắc đạo chẳng phải chỉ có một, hai. Vậy thế nào gọi là Huyền tông biệt xứ, chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật của Tổ sư từ Tây sang. Những Cao tăng đời trước, đều là những người xuyên suốt chín phái, lâu thông ba tạng như: Đạo Sinh, Tăng Triệu, Đạo Dung, Tăng Duệ... lẽ đâu họ không biết Phật pháp chẳng?

Sư đáp: Chư Phật chẳng từng ra đời, cũng không có pháp gì cho người, chỉ là tùy bệnh cho thuốc, nên mới có mười hai phần giáo. Như lấy trái ngọt nhét thuốc đắng vào, cốt là tẩy sạch gốc nghiệp cho các ông, chứ hoàn toàn không phải việc thật. Thần thông biến hóa đến trăm ngàn Tam-muội môn hóa thành thiên ma ngoại đạo kia, phước trí nhị nghiêm là phá chấp nhưng lại trệ trong không kiến. Nếu không hiểu đạo, không hiểu ý Tổ sư thì bàn đến Đạo Sinh, Tăng Triệu, Đạo Dung, Tăng Duệ làm gì. Ngày nay người trong thiên hạ hiểu Thiên hiểu đạo nhiều vô kể, người nói Phật, nói tâm cũng có trăm ngàn ức. Chưa ra khỏi trần lao làm sao thoát được luân hồi, nhớ nghĩ chẳng quên cuối cùng cũng phải đọa. Những hạng người ấy, nghiệp quả còn chưa biết mà dám

nói bừa mình là bậc thượng lưu ngang bằng với tiên đức. Cứ luôn miệng nói, muôn việc trước mắt đều là Phật sự, dở chân đều là đạo tràng, kỳ thật chẳng bằng một người phàm ngu giữ Ngũ giới, Thập thiện. Xem lời nói của bọn họ cứ na ná như hàng Nhị thừa, Thập địa Bồ-tát. Thượng vị đề hồ là cửa báu trên đời, nếu rơi vào tay bọn họ liền trở thành thuốc độc. Ngài Nam Sơn còn không cho đồ chúng nói đến chữ Đại thừa. Bọn học đạo ngày nay cứ luôn mồm đấu khẩu toàn nói những việc chẳng có căn cứ mà cho là ngang bằng với Tiên đức, thật là cay đắng!

Cứ như những cao nhân ẩn dật nơi đồng quê, gói đầu ngủ ngon trên đá, vứt bỏ danh lợi, dầu có kế trị nước an dân cũng chẳng màng tới, hưởng gì Thiên tông ta, đâu cùng đường với họ!

Hãy xem những bậc cổ đức đạo nhân ngày xưa, sau khi lãnh hội ý chỉ liền dựng am tranh hoặc ở thất đá, nấu cơm bằng chõ, độ nhật qua ngày. Cứ thế hai ba mươi năm, danh lợi chẳng bận lòng, tiền của chẳng phiền nghĩ, quên cả người đời, ẩn thân trong núi rừng, vua chúa mời chẳng đến, chư hầu thỉnh chẳng đi, đâu như bọn ham danh háms lợi ngày nay, chìm đắm trong đường đời, chẳng hơn bọn con buôn. Được chút mong cầu liền quên quả lớn. Hàng Bồ-tát các vị Thánh ngẫm thông Phật lý, lẽ đâu chẳng bằng một kẻ Bác địa phàm phu? Điều đó không bao giờ có. họ thuyết pháp như mây như mưa mà còn bị Phật quả là thấy tánh qua lớp lưới lụa. Đó chỉ vì tình còn, Thánh lượng thấy trong nhân quả, chưa thể vượt qua Thánh tình, trèo qua hình bóng. Tiên hiền cổ đức là những cao nhân thạc học thấu đạt cổ kim lâu thông tạng giáo. Với cái học trên chữ nghĩa, đến như nước sữa còn phân biệt không ra, chẳng rõ tự lý niệm lặng tìm chân. Than ôi! Những kẻ được làm thân người như đất dính móng tay, kẻ đánh mất thân người như đất trên địa cầu, thật đáng thương xót! Giả sử có ngộ lý đi nữa cũng chỉ biết lem nhem, mà chẳng biết trong cái ngộ đó chỉ là cửa ngõ để thể nhập lý, liền cho rằng mình vĩnh viễn thoát khỏi trần ai, xem thường bậc Tiên đức, đến nỗi khiến cho tâm lậu chẳng cùng, lý địa chẳng biết, sống ngơ ngơ đến già chết mà chẳng thành, kéo dài thán năm một cách uổng phí. Vả lại thông minh cũng đâu thể đối đầu với sinh tử, Càn Tuệ vẫn chưa thoát khỏi luân hồi.

Nay tôi cùng chư huynh đệ nói việc thật, không bàn đến việc giả. Nay chỉ vì miếng cơm manh áo mà cứ mãi lừa dối Thánh hiền, mong được tương lai. Với người có Tuệ nhãn, Tha tâm thông, họ nhìn thì chẳng khác nào uống máu mủ. Rốt cuộc cũng phải bồi thường! Hễ người nào có đạo quả thì tự nhiên cảm được tín thí đến cúng.

Bồ-tát học Bát-nhã chớ tự khinh mạn, như đi trên băng tan, như chạy trên kiếm bén. Đến lúc lâm chung, mảy tình phàm lượng Thánh chưa sạch, chút bụi trần tư niệm chưa quên thì tùy niệm thọ sinh, ngũ ấm nặng nhẹ cứ thế mà chịu vào thai lửa bụng ngựa, có khi đọa vào vạc dầu nơi địa ngục, lửa cháy phừng phừng. Những thứ ghi nhớ nghĩ tưởng, thấy biết trí tuệ trước kia mất hết tức khắc. Cứ thế lại làm trùng kiến, rồi trở lại làm ruồi nhặng. Dù là nhân lành nhưng rốt cuộc chuốc lấy quả ác, vậy còn cầu mong điều gì?

Này huynh đệ! Chỉ vì tham dục thành tánh, nên hai mươi lăm hữu trói buộc thân mình, không biết khi nào mới xong. Tổ sư thấy chúng sinh nơi này có căn tánh Đại thừa, nên chỉ truyền tâm ấn chỉ rõ mê tình. Người nhận được thì chẳng lựa phàm thánh chẳng trọn trí ngu. Vả lại nhiều mà hư, không bằng ít mà thật. Đại trượng phu ngay đó mà nghỉ mà dừng thì liền dứt muôn duyên, thoát khỏi dòng sinh tử, vượt khỏi cái tầm thường. Linh quang sáng rỡ, chẳng bị vật trói, vọi vọi đường đường nổi bậc trong ba cõi, cần gì thân cao trượng sáu, thân vàng sáng chói, cổ đeo ánh quang, tướng lưỡi dài rộng. “Nếu dùng sắc thấy ta, người ấy hành tà đạo”. Giả sử có quyển thuộc trang nghiêm thì chẳng cầu mà tự có. núi sông đại địa chẳng ngăn mắt sáng, được đại tổng trì, một nghe ngàn ngộ, trọn chẳng mong cầu, mà liền đủ cả.

Nếu như các ông chẳng được như vậy, thì Tổ sư đến đây quả thật phi thường, có lợi có hại. Có lợi thì trong ngàn vạn người chọn được một người, nửa người làm bậc pháp khí. Còn hại như đoạn trước đã nói rõ. Nương theo Tam thừa giáo pháp, chẳng ngại tu hành thì được Tứ quả Tam hiền, có phần tiến tu. Cho nên Tiên đức nói: “Thấu tỏ thì nghiệp chướng xưa nay rỗng rang, chưa thấu thì phải đền trả nợ trước.”

Hai vua Hiến Tông, Mục Tông ba lần hạ chiếu thỉnh sư vào cung nhưng sư không đi. Sau khi thị tịch, vua ban sư thụy là Đại Đạt Thiên Sư.

### ***35. Thiên Sư Long Đàm Sùng Tín:***

Sư con nhà bán bánh, sách sử không ghi tên họ là gì, thuở nhỏ sư đã tỏ ra là người dĩnh ngộ khác thường. Hồi ấy, Thiên sư Đạo Ngộ ở chùa Thiên Hoàng là người không ai lường nổi. Nhà sư ở đầu con hẻm đi vào chùa. Hằng ngày sư đem mười cái bánh cúng dường Đạo Ngộ. Đạo Ngộ nhận xong, lúc nào ăn cũng để lại một cái cho sư và nói:

- Ta cho người để làm ân huệ cho con cháu sau này.

Một hôm, sư quay ra rồi tự nghĩ: “Bánh của mình đem đến, sao

tặng lại cho mình, lẽ đâu có ý gì khác chẳng?” Sư liền đến hỏi Đạo Ngộ.

Đạo Ngộ bảo:

- Ông đem đến, ta trả về lại cho ông thì có lỗi gì!

Sư nghe câu này liền hiểu được huyền chỉ và cầu xin xuất gia.

Đạo Ngộ nói:

- Trước ông sùng phước thiện, nay tin lời ta, đáng gọi ông là Sùng

Tín.

Từ đó sư hầu hạ bên thầy. Một hôm sư thưa:

- Từ khi vào đây đến giờ con chưa được Hòa thượng chỉ dạy tâm yếu.

Đạo Ngộ bảo:

- Từ khi vào đây đến giờ không lúc nào mà ta không dạy ông tâm yếu.

- Chỉ dạy ở đâu?

- Ông bưng trà đến, ta tiếp; ông dâng cơm lên, ta nhận; lúc ông lạy ta, ta gật đầu, có chỗ nào mà không dạy tâm yếu?

Sư cúi đầu giây lâu. Đạo Ngộ nói:

- Thấy thì ngay đó thấy liền, suy nghĩ sai ngay.

Ngay câu nói đó sư liền khai ngộ. Sư hỏi tiếp:

- Làm sao giữ gìn?

- Cứ mặc tánh tiêu dao, tùy duyên phóng khoáng, chỉ hết tâm phàm, không có Thánh giải nào khác.

Về sau sư đến ở tại Long Đàm, Lễ Dương. Có vị Tăng hỏi:

- Hạt châu trong búi tóc, người nào được?

- Người không ngắm nghía.

- Để ở đâu?

- Có chỗ tất nói ra.

Lý Tường hỏi sư:

- Thế nào là chân như Bát-nhã?

- Ta không có chân như Bát-nhã.

- Hân hạnh được gặp Hòa thượng!

- Đó cũng vẫn là lời nói bên ngoài!

(Việc Đức Sơn hỏi đáp với sư có ghi đủ trong truyện của ngài Đức Sơn).

- Quý Mão: Trường Khánh năm thứ ba. Tháng 8 vua xa giá đến cung Hưng Lăng, gặp vị Tăng trì bát khất thực, vua cúng ba trăm tấm lụa.

- Giáp Thìn: Tháng Giêng năm thứ tư, vua mất.

**36. Bài ký nói về việc khắc kinh trên vách đá chùa Vĩnh Phước ở Hàng Châu:**

Năm này việc khắc kinh Pháp Hoa trên vách đá chùa Vĩnh Phước ở Hàng châu hoàn thành, Tướng quốc Nguyên Trinh viết bài ký, trong ấy ghi: Theo Sa-môn Tuệ Hạo thuật lại việc này rằng. Vĩnh Phước còn có tên là chùa Cô Sơn, nằm trên Cô sơn, hồ Tiền Đường, Hàng châu. Kinh Pháp Hoa khắc trên đá ở trong chùa này. Bắt đầu khắc năm Nguyên Hòa thứ 12, lúc ấy Nghiêm Hưu Phục làm Thứ sử, hoàn thành năm Trường Khánh thứ 4, lúc Bạch Cư Dị làm Thứ sử. Phiến đá cao sáu thước rưỡi, rộng năm mươi bảy thước sáu, dưới có đế tròn bọc hết phiến đá, xung quanh lại có xếp đá là nền. Chi phí cho thợ thầy hết sáu mươi chín ngàn một trăm năm mươi tiền, hết mười tháng mới xong. Lại lập hai bia đá, một tấm ghi tên những người cúng tiền, ai cúng mười tiền trở lên đều được khắc tên trong bia. Những người tôn quý đã cúng tiền có: Hàng châu Thứ sử Nghiêm Hưu Phục, Trung thư xá nhân Hàng châu Thứ sử Bạch Cư Dị, Hình bộ thị lang Hồ châu Thứ sử Thôi Huyền Lượng, Hình bộ lang trung Mục châu Thứ sử Vi Văn Ngộ, Xử châu Thái sử Vi Hành Lập, Hàng châu Thứ sử Trương Dật, Ngự sử trung thừa Tô châu Thứ sử Lý Hựu, Ngự sử đại phu Việt châu Thứ sử Nguyên Trinh, Hữu ty lang trung Xử châu Thứ sử Trần Hồ. Ngoài chín Thứ sử này ra còn có các quan ở Hàng châu như: Tuyên úy sứ Khố bộ lang trung Tri Chế Hạo, Giả Tốc. Những người dưới mười tiền thì không ghi danh trong bia này, cứ theo thứ lớp trước sau mà ghi, không phân biệt sang hèn già trẻ ít nhiều mà ghi người này trước người kia sau. Còn một tấm bia ghi tên chúng Tăng, đều là những người có học vấn tiếng tăm đã lo liệu công việc.

Năm trường Khánh thứ 2, Tiên đế không thấy tấu trạng nên khiến trách châu này. Sang năm, dời bia về Cối Kê, khi ra khỏi Hàng châu, muôn dân tranh nhau đến xem. Cư Dị thấy lạ hỏi thì họ đều đáp: “Không phải xem Tể tướng mà muốn xem Nguyên Bạch vốn trước đã nổi danh.” Do vậy Tăng chúng hiểu lầm tôi muốn nêu danh với mọi người. Thế là ngày đêm họ công kích. Thứ sử Bạch xin văn của tôi, tôi xét Tăng chúng, vì vậy viết mấy lời vào bia đá, là muốn việc này bất hủ hơn nữa muốn tự mình thuật lại việc này. Nay văn bia đã xong, văn kinh đã khắc đá, nhưng chư hầu chín châu vẫn còn khuyến khích mọi người cúng tiền cho Pháp sự này. Nói gần thì có thể gọi đó là nhờ tông khác mà thành bất hủ.



Nói xa thì không biết vượt đến mấy vạn năm. Trời và đất nghiền nhau, âm và dương đẩy nhau, lửa và gió tấp nhau, danh và hình hủy hoại nhau, như vậy thì bốn biển chín châu đều chỉ là mây trần trong hư không, ai biết việc ấy hủ hay bất hủ. Nhưng Dương Thác Tử biết cái vòng cũ trong cây khô, Trương Tăng Diêu là danh họa trên đời, trải qua ngàn ấy năm đến nay vẫn còn danh tiếng. Con chó sủa một tiếng đã qua đời sau, chết mà không hóa kiếp. Dùi mài cái sở học như tôi chỉ trong vài hơi thở thì thành ngay, đó lại là tánh cùng vật tương giao, nhưng chết rồi mà cũng không thể quên cả hai được, ai biết được sáu mươi chín ngàn lời khắc trên đá kia mãi mãi tồn tại với trăm họ, không vì ngàn vạn kiếp vùi chôn mà hư hoại! Từ đó mà nghĩ, thì Tăng chúng mới là đáng kể! Còn như những đạo lý sâu kín trong sách Phật, Tăng được quyền nói cho tôi nghe, mà tôi không đủ tư cách giảng cho Tăng hiểu, huống gì mấy lời này khắc trên đá, đủ thấy không thể nào giảng xuyên suốt nghĩa của nó được.

**37. Vương Trí Hưng lợi dụng việc xin lập giới đàn để thu tiền:**

Trung thư lệnh Vương Trí Hưng xin vua mở giới đàn Phương Đẳng tại Tứ châu, nhân ngày Phật đản để độ Tăng. Vua đồng ý. Sau đó Triết tây quán sát sứ Lý Đức Dụ tâu rằng: Trí Hưng lập giới đàn ở Tứ châu, chiêu mộ những người muốn xuất gia, Hưng thu mỗi người hai ngàn (2.000) tiền, số tiền ấy không thể kể hết. Việc thế phát ở đời Tấn, từ đất Hoài đến đất Hữu, cứ nhà nào có ba nam thì một nam thế phát và căn cứ quy chế thế phát thì người đó được miễn quân dịch. Những người xuất gia thật không đếm xuể. Thần thấy mỗi ngày có đến mấy trăm người qua sông đi thế phát. Dân ở vùng Tô, Thường, Tề, mười người hết tám, chín người thế phát rồi. Nếu không ngăn lại thì đến trước ngày Phật đản riêng vùng Giang Hoài đã mất mấy mươi vạn trai tráng xuất gia. Đó không phải là việc nhỏ.”

Vua không nghe. Trước đây Hiến Tông ra sắc lệnh cấm không cho muôn dân trong thiên hạ làm Tăng ni, đạo sĩ. Nay thì Trí Hưng dám đứng ra xin, thế là dân đen chen nhau đi thế phát. Trí Hưng nhân cơ hội này bỏ túi đến mấy mươi vạn tiền, bị những người trong sạch coi khinh.

**38. Thiên Sư Cổ Linh Thân Tán ở Phước Châu:**

Ban đầu sư tham vấn với Bá Trượng, sau quay về lại bản tự. Thầy của sư thường ngồi xem kinh bên cửa sổ. Một hôm, có con ong bay vào



cửa rồi tìm lối ra. Thần Tán thấy vậy nói:

- Thế giới bao la như vậy mà không chịu ra, dù mài trong mỡ giấy mực ấy biết khi nào mới ra được!

Thầy của sư nghe vậy để kinh xuống hỏi:

- Ông hành cước gặp ai mà nói năng dị thường như thế? Sư đáp:

- Hôm qua nhờ ân Hòa thượng Bá Trượng chỉ ra chỗ dừng.

Thầy của sư nghe vậy liền tập hợp đại chúng thỉnh sư thăng đường thuyết pháp. Thần Tán cử môn phong của Bá Trượng và nói: “Linh quang chiếu diệu vượt hẳn khỏi căn trần, thể bày chân thường không câu chấp văn tự, tâm tánh không nhiễm, vốn tự viên thành, chỉ lìa vọng duyên, như Phật chẳng khác.”

Ngay câu nói này, thầy của sư tỉnh ngộ.